



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 01/2025
Từ 06/01 - 10/01/2025

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

TẬP TRUNG NGUỒN LỰC CAO NHẤT ĐỂ CHUẨN BỊ TRÌNH QUỐC HỘI CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN SẮP XẾP, TINH GỌN BỘ MÁY

Ngày 07/01/2025, tại Trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì Phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 01/2025, thảo luận 7 dự án luật và nghị quyết chuẩn bị trình Quốc hội, trong đó có nhiều nội dung quan trọng liên quan việc thực hiện sắp xếp bộ máy “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”.



Thủ tướng Chính phủ yêu cầu, các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục rà soát các luật đã ban hành, nhất là những vấn đề vướng mắc, lạc hậu hoặc chưa theo kịp với thực tiễn để hoàn thiện hệ thống pháp luật, vướng mắc ở đâu tháo gỡ ở đó... - Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Sau một ngày làm việc khẩn trương, sôi nổi với tinh thần trách nhiệm cao, Chính phủ xem xét, cho ý kiến đối với 7 nội dung quan trọng gồm 4 dự án luật và 3 dự thảo nghị quyết của Quốc hội.

Về dự án Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi) do Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính lưu ý tiếp tục rà soát các mối quan hệ giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các cơ quan, phù hợp với quy định của Hiến pháp.

Về phân cấp, ủy quyền, Thủ tướng Chính phủ cho rằng với quyền hành pháp chính trị thì có thể ủy quyền nhưng không phân cấp; còn hành chính công vụ thì phải phân cấp, ủy quyền mạnh, việc phân cấp, ủy quyền phải trình Quốc hội đồng ý, đưa vào luật và đề nghị giao Chính phủ quy định cụ thể.

Việc phân cấp, phân quyền, uỷ quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Quyền hạn đi đôi với trách nhiệm; ai được giao phân cấp, phân quyền, uỷ quyền thì phải quyết định, khi quyết định thì phải chịu trách nhiệm; các cấp được phân cấp, phân quyền, uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Chính phủ và pháp luật về việc thực hiện quyền hạn được phân cấp, phân quyền, uỷ quyền.

Về dự án Luật Tổ chức Chính quyền địa phương (sửa đổi) do Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu định hướng: Không đưa nội dung nghị định, thông tư vào dự thảo luật, Quốc hội không quyết những việc thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Chính phủ không quyết những việc thuộc thẩm quyền của Bộ, địa phương. Cùng với đó, làm rõ mô hình chính quyền đô thị, chính quyền nông thôn, chính quyền hải đảo; chính quyền địa phương ban hành chính sách theo thẩm quyền.

Về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội giải quyết các vấn đề phát sinh trong các quy định của pháp luật liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy do Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, việc trình ban hành Nghị quyết nhằm góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý tạo điều kiện cho hoạt động của tổ chức bộ máy mới trong toàn hệ thống chính trị sau khi sắp xếp được bảo đảm thông suốt, hiệu quả, không để khoảng trống pháp lý, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Các cơ quan khẩn trương rà soát, ban hành các văn bản phù hợp với Nghị quyết, bảo đảm thực tế thực hiện không vướng mắc.

Về dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi) do Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ những quy định đã có và được thực hiện hiệu quả, được thực tiễn chứng minh là đúng, đa số đồng tình thì tiếp tục kế thừa; đồng thời quán triệt, thực hiện nghiêm túc, thể chế hóa đầy đủ các nội dung mà Bộ Chính trị đã cho ý kiến; lược bỏ những nội dung không còn phù hợp, thủ tục rườm rà, không cần thiết...

Cũng tại phiên họp, Chính phủ đã thảo luận về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thành lập một số Bộ của Chính phủ khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 do Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng; dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khoá XVI do Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng; dự án Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc do Bộ Quốc phòng chủ trì xây dựng.

Kết luận chung về phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đánh giá cao các Bộ: Quốc phòng, Nội vụ, Tư pháp đã nỗ lực, tích cực chuẩn bị, trình các nội dung và nghiêm túc tiếp thu, giải trình ý kiến của Thường trực Chính phủ, ý kiến thành viên Chính phủ để chỉnh lý, hoàn thiện các dự án luật, nghị quyết; đánh giá cao ý kiến tâm huyết, trách nhiệm, sát thực tiễn, sâu sắc, có chất lượng của thành viên Chính phủ và các đại biểu.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng tiếp tục chỉ đạo tiếp thu nghiêm túc các ý kiến để hoàn thiện các dự án luật, nghị quyết theo quy định; các đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ theo lĩnh vực phụ trách quan tâm, trực tiếp chỉ đạo việc hoàn thiện 7 nội dung quan trọng nêu trên; Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tiếp thu đầy đủ các ý kiến, hoàn thiện, sớm trình ban hành Nghị quyết phiên họp để thống nhất triển khai.

Yêu cầu khẩn trương hoàn thiện các nội dung trình Quốc hội tại kỳ họp bất thường thứ 9 (tháng 2/2025), Thủ tướng Chính phủ cho biết, nhiệm vụ đặt ra là rất nặng nề trong khi thời gian rất ngắn.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ưu tiên thời gian, tập trung nguồn lực cao nhất, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện các dự án luật, dự thảo nghị quyết để trình Quốc hội theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng, tiến độ theo yêu cầu. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội, tạo sự đồng thuận trong quá trình thẩm tra, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án Luật, dự thảo nghị quyết theo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đại biểu Quốc hội.

Chỉ rõ nhiệm vụ trọng tâm về công tác thể chế, pháp luật thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh thể chế là “đột phá của đột phá”, là “động lực, nguồn lực cho sự phát triển”, song vẫn là “điểm nghẽn của điểm nghẽn”, yêu cầu các Bộ trưởng, trưởng ngành trực tiếp chỉ đạo sát sao công tác xây dựng pháp luật, tiếp tục ưu tiên lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư thời gian, công sức, nguồn lực con người, cơ sở vật chất trong công tác thể chế.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị tiếp tục tổng kết thực tiễn để xây dựng chính sách, đánh giá tác động chính sách; triển khai cụ thể hóa, thể chế hóa các đường lối, chính sách của Đảng; cần thay đổi tư duy làm luật theo hướng vừa quản lý được, vừa thông thoáng, giảm khâu trung gian, giảm thủ tục, một việc chỉ giao một người, ai làm tốt nhất thì giao người đó, tháo gỡ các “điểm nghẽn”, khơi thông và huy động mọi nguồn lực để phát triển đất nước.

Cùng với đó, bỏ tư duy “không quản được thì cấm, không biết mà vẫn quản”; người dân, doanh nghiệp làm được, có thể làm tốt hơn thì giao cho họ; cái gì đã cấm thì đưa vào luật, cái gì không cấm thì để cho người dân, doanh nghiệp được phép làm và có không gian sáng tạo, đổi mới.

Đồng thời, luật quy định khung, mang tính nguyên tắc, còn các vấn đề cụ thể trong thực tiễn, nhiều khi diễn ra nhanh hơn quy định của luật thì giao Chính phủ, các Bộ, ngành hướng dẫn để phù hợp với tình hình.

Rà soát lại, kiên quyết bỏ các cơ chế xin - cho, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm trong quá trình xây dựng các luật, pháp lệnh. Đồng thời, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp; ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, giảm tiếp xúc và giao dịch trực tiếp, giảm tiêu cực, tham nhũng vặt.

Chính phủ và các Bộ, ngành tập trung quản lý nhà nước, xây dựng chiến lược, quy hoạch, chính sách, luật pháp, xây dựng các công cụ kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật, kiểm soát đầu ra, tránh “ôm đồm” quá nhiều việc cụ thể; khi phân công thì chú ý 5 rõ: Rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm.

Việc diễn đạt các nội dung của các dự án luật, nghị quyết ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, rõ ý, rõ nghĩa, rõ quyền hạn, rõ trách nhiệm, dễ hiểu, dễ kiểm tra, dễ giám sát.

Các cơ quan soạn thảo tiếp tục lắng nghe các ý kiến góp ý, lấy ý kiến của các đối tượng bị tác động, các cơ quan liên quan, các nhà khoa học, chuyên gia, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, đồng thời làm tốt công tác truyền thông chính sách, nhất là với những vấn đề mới, vấn đề khó.

Các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục rà soát các luật đã ban hành, nhất là những vấn đề vướng mắc, lạc hậu hoặc chưa theo kịp với thực tiễn để hoàn thiện hệ thống pháp luật, vướng mắc ở đâu tháo gỡ ở đó, thẩm quyền của cấp nào thì cấp đó giải quyết, nếu vượt thẩm quyền thì đề xuất có thẩm quyền; quán triệt yêu cầu đổi mới trong xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương, kiểm soát quyền lực trong xây dựng pháp luật.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP THỨ 8 BAN CHỈ ĐẠO TINH GỌN BỘ MÁY CỦA CHÍNH PHỦ

Chiều ngày 06/01/2025, tại Trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng ban Ban Chỉ đạo của Chính phủ về “Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” chủ trì Phiên họp thứ tám của Ban Chỉ đạo.

Phiên họp tập trung thảo luận việc kết thúc hoạt động của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và việc chuyển quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với 19 tập đoàn, tổng công ty; việc sắp xếp, tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê.

Sau khi nghe các ý kiến, phát biểu kết luận, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho biết, trong quá trình phát triển, chúng ta đã áp dụng các mô hình khác nhau trong quản lý doanh nghiệp Nhà nước, quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp phù hợp theo từng thời kỳ.

Tuy nhiên, mô hình hiện nay vẫn có những hạn chế, một phần do quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13). Do đó, cần tiếp tục sắp xếp, đổi mới theo hướng tách bạch nhiệm vụ quản lý Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Theo Thủ tướng Chính phủ, năm 2025, cả nước phấn đấu tăng trưởng kinh tế đạt ít nhất 8%, tạo đà cho thời kỳ phát triển 2 con số tiếp theo. Do đó, các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp phải tăng trưởng ít nhất 8%; việc sắp xếp mô hình, tổ chức với các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước phải trên tinh thần “đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết, trước hết” để vốn Nhà nước được quản lý tốt nhất và phát triển tốt nhất, phục vụ cho phát triển đất nước thời kỳ mới.

Về phương án kết thúc hoạt động của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và việc chuyển quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với 19 tập đoàn, tổng công ty, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, cần lựa chọn phương án tối ưu nhất trong các phương án có thể trên cơ sở xem xét kỹ lưỡng, thấu đáo, khách quan, khoa học, phù hợp với tình hình đất nước để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nhấn mạnh vấn đề quan trọng nhất là hiệu quả, thực sự vì nhiệm vụ chung, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì sự phát triển của đất nước, Thủ tướng Chính phủ cho rằng với một số tập đoàn, tổng công ty thực hiện vai trò bảo đảm các cân đối lớn, được giao các nhiệm vụ chiến lược quốc gia thì nghiên cứu, đề xuất mô hình thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Đồng thời, phải phân cấp phân quyền nhiều hơn nữa cho doanh nghiệp, tăng cường tính chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường.

Các nội dung này đều liên quan quy định tại Luật số 69/2014/QH13. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính khẩn trương hoàn thiện dự thảo Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp thay thế Luật số 69/2014/QH13 để Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp tháng 2 sắp tới nhằm giải quyết các nút thắt, vướng mắc hiện nay.

Thủ tướng Chính phủ cũng nhấn mạnh, Chính phủ, các bộ, ngành thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tập trung xây dựng quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý cho doanh nghiệp hoạt động, thiết kế công cụ để giám sát kiểm tra.

Thủ tướng Chính phủ lưu ý, công tác cán bộ tại các doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước và việc đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp cần tổng thể.

Đối với mô hình tổ chức cơ quan thống kê, nhấn mạnh vai trò quan trọng của cơ sở dữ liệu với việc hoạch định chính sách và yêu cầu không trùng chéo chức năng nhiệm vụ với các cơ quan khác, giảm khâu trung gian, giảm đầu mối, giảm thủ tục hành chính, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tiếp thu ý kiến của thành viên Ban Chỉ đạo và căn cứ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn, tham khảo mô hình quốc tế, nghiên cứu kỹ lưỡng, đề xuất mô hình phù hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét.

Nguồn: vov.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: “CÀNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC, ÁP LỰC THÌ CÀNG PHẢI QUYẾT TÂM CAO”

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh: “Càng khó khăn, thách thức, áp lực thì càng phải quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt”.

Sáng ngày 08/01/2025, phát biểu tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2024, triển khai nhiệm vụ năm 2025 của Chính phủ và Chính quyền địa phương, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh, hội nghị vinh dự chào đón lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, đặc biệt là Tổng Bí thư Tô Lâm đã dành thời gian tới dự và chỉ đạo.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho biết, bài phát biểu chỉ đạo rất quan trọng, tâm huyết, sâu sắc và toàn diện của Tổng Bí thư Tô Lâm thực sự là nguồn động viên, khích lệ to lớn và là những tư tưởng chỉ đạo, định hướng xuyên suốt cho Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và thời gian tới. Theo đó,

Chính phủ sẽ tiếp thu toàn bộ ý kiến chỉ đạo tâm huyết, trách nhiệm của Tổng Bí thư để đưa vào Nghị quyết.

Ngay sau Hội nghị này, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương sẽ tập trung quán triệt sâu sắc và nghiêm túc triển khai thực hiện bằng những hành động cụ thể nhất, sản phẩm rõ ràng, thiết thực, hiệu quả, nhất là những hạn chế yếu kém mà Tổng Bí thư đã chỉ ra.

Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Phạm Minh Chính gửi lời cảm ơn sự lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Tổng Bí thư Tô Lâm, Chủ tịch nước Lương Cường, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn và các lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Quốc hội, các Ban Đảng, Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, chính quyền địa phương trong năm 2024.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, nhờ sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi rất rõ nét, khi đạt và vượt toàn bộ 15/15 chỉ tiêu chủ yếu, trong đó 12/15 chỉ tiêu vượt mục tiêu đề ra. Cụ thể, thu chi ngân sách đạt cao, GDP năm 2024 tăng 7,09%, kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát (3,63%), các cân đối lớn được bảo đảm. An sinh xã hội được bảo đảm; đời sống người dân được nâng lên. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn khoảng 1,9%. Kịp thời phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là cơn bão số 3. Chỉ số hạnh phúc tăng 11 bậc, xếp thứ 54/143 quốc gia, vùng lãnh thổ (theo Liên Hợp Quốc đánh giá).

Thủ tướng Chính phủ khẳng định, những kết quả này là minh chứng cho nỗ lực vượt bậc của đất nước, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, rất đáng phấn khởi, tự hào, góp phần tạo đà, tạo lực, tạo thế, tạo niềm tin, hy vọng để đạt được kết quả cao hơn trong năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030.

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ rõ những nguyên nhân kết quả đạt được trong đó nhấn mạnh, Chính phủ, chính quyền địa phương đã chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; Chính phủ, chính quyền địa phương đã đoàn kết, thống nhất với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; Có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của các cơ quan trong hệ thống chính trị, sự ủng hộ của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, bạn bè quốc tế.

Về bài học kinh nghiệm, Thủ tướng chỉ rõ: "Chúng ta đã nắm chắc tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, đối tác, đối tượng, địa bàn để phản ứng chính sách linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với các vấn đề mới phát sinh, nhạy cảm, khó, phức tạp trong thực tiễn.

Đoàn kết nhất trí, "Tiền hô hậu ủng, nhất hô bá ứng, trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt"; tất cả vì lợi ích quốc gia, dân tộc; phải dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tự tin, tự chủ, tự hào dân tộc; không trông chờ, ỷ lại; không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, tự kiêu, tự mãn mà ngược lại phải khiêm tốn, cầu thị lắng nghe, nhất là ý kiến góp ý xác đáng của những người có trách nhiệm tâm huyết, của Nhân dân, nhà khoa học, chuyên gia ...

Coi trọng thời gian, trí tuệ, sự quyết đoán kịp thời; nhìn xa, trông rộng, nghĩ sâu, làm lớn; vượt qua chính mình, vượt qua giới hạn bản thân; nguồn lực bắt nguồn từ tư duy, động lực bắt nguồn từ sự đổi mới, sức mạnh bắt nguồn từ Nhân dân, doanh nghiệp. Càng khó khăn, thách thức, áp lực thì càng phải quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, tập trung có trọng tâm, trọng điểm, làm việc nào ra việc đó, làm việc nào dứt việc đấy; phân công nhiệm vụ bảo đảm “5 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả.

Nói về năm 2025, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng yêu cầu, cần phải rà soát các chỉ tiêu, nhiệm vụ của cả 5 năm để phát huy, làm tốt hơn với những chỉ tiêu đã đạt và vượt; nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu chưa đạt để phấn đấu đạt mức cao nhất kế hoạch 5 năm 2021 - 2025. Phải tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy, bảo đảm đi vào hoạt động bình thường, thông suốt, hiệu quả. Phải tổ chức tốt các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước như kỷ niệm 95 năm thành lập Đảng, 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 135 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 80 năm thành lập Nước. Phải tổ chức thành công cả về đường lối, nhân sự và bảo đảm an toàn Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội lần thứ XIV của Đảng.

Trong bối cảnh đó, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương tập trung quán triệt phương châm “Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tinh gọn hiệu quả; tăng tốc bứt phá”, thực hiện đúng quan điểm “Đảng chỉ đạo, Chính phủ thống nhất, Quốc hội đồng tình, Nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi, bạn bè quốc tế giúp đỡ, thì chỉ bàn làm, không bàn lùi, làm việc nào ra việc đấy, làm việc nào dứt việc đó”.

Về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2025 Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh, ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Chính phủ sẽ rà soát, giao nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể về tốc độ tăng trưởng cho các Bộ, ngành, địa phương, phấn đấu tăng trưởng ít nhất 8% và hướng tới tăng trưởng hai con số.

Triển khai hiệu quả tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”, đảm bảo đúng tiến độ và làm tốt công tác tư tưởng, tạo đồng thuận, thống nhất cao trong nội bộ cơ quan và toàn hệ thống; Thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Cùng với đó, đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược nhất là đột phá về thể chế; hạ tầng chiến lược, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng văn hóa, đào tạo nguồn nhân lực; phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội, trong đó tập trung vào lo cho người nghèo cụ thể là xóa nhà tạm nhà dột nát, nhà ở xã hội, người có công, người yếu thế; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; Giữ vững độc lập chủ quyền, bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế; Tập trung làm tốt công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Tập trung giải quyết các dự án tồn đọng.

Thay mặt Chính phủ, tôi xin trân trọng cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đặc biệt là sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, thường xuyên của Tổng Bí thư Tô Lâm; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của các cơ quan trong hệ thống chính trị; sự ủng hộ, tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp; sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

Tập thể Chính phủ, từng thành viên Chính phủ, Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương cam kết nêu cao tinh thần đoàn kết, chung sức đồng lòng và trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước, Nhân dân; cùng đồng bào, chiến sĩ cả nước, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2025, tạo nền tảng vững chắc đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng của dân tộc.

Nguồn: [baochinhphu.vn](#)

GIẢM TỐI THIỂU 20% CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH KHI TINH GỌN

Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ vừa có thông báo đề nghị giảm tối thiểu 20% công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước để giảm biên chế theo phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy phù hợp với lộ trình thực hiện chính sách.

Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ vừa có văn bản gửi: Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương; Ban Công tác đại biểu; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Tòa án nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Kiểm toán nhà nước; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương liên quan đến việc tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế.

Văn bản do Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà thay mặt ký nêu rõ: Thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương tại Kết luận số 09-KL/TW ngày 24/11/2024; căn cứ Thông báo số 49-TB/TW ngày 26/12/2024 của Bộ Chính trị, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Để tổ chức triển khai thực hiện chính sách có hiệu quả, Ban Chỉ đạo của Chính phủ đề nghị các Bộ, ban, ngành và các địa phương triển khai các nhiệm vụ.

Trong đó tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang, nhất là những người bị tác động, ảnh hưởng do sắp xếp tổ chức bộ máy phát huy tinh thần trách nhiệm, vì lợi ích chung, hy sinh lợi

ích cá nhân (nếu có) để thực hiện chủ trương của Đảng, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Kịp thời khen thưởng, động viên đối với các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích, đóng góp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với tinh giảm biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Cùng với đó khẩn trương xây dựng và ban hành các tiêu chí cụ thể phù hợp với đặc điểm, tình hình và thực tiễn của Bộ, ban, ngành và địa phương gắn với đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và giao trách nhiệm cho cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý quyết định đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (giảm tối thiểu 20% công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước để giảm biên chế theo phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Bộ, ban, ngành và địa phương phù hợp với lộ trình thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP), bảo đảm không làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao.

“Định kỳ thứ 4 hàng tuần, báo cáo kết quả thực hiện và kịp thời đề xuất các giải pháp để tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) gửi về Bộ Nội vụ (cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo của Chính phủ) để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”, văn bản nêu rõ.

Nguồn: vov.vn

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGÀNH HẢI QUAN BAO PHỦ HẦU HẾT CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Những năm qua, Tổng cục Hải quan đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạt động ổn định, thông suốt, bao phủ và hỗ trợ hầu hết các lĩnh vực trọng yếu về quản lý hải quan.

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu

Những năm qua, Tổng cục Hải quan đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về hải quan. Đến nay, đã hoàn thành mục tiêu 5E (E-Declaration; E-payment; E-C/O; E-Permit và E-Manifest) về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về hải quan, xây dựng được một hệ thống công nghệ thông tin tập trung cấp Tổng cục, phục vụ công tác quản lý nhà nước về hải quan, hoạt động ổn định, thông suốt, bao phủ và hỗ trợ hầu hết các lĩnh vực trọng yếu về quản lý hải quan.

Tích hợp hải quan thông minh

Tại Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030 (Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 20/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ) đưa ra mục tiêu “Xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin hải quan tập trung, tích hợp thông minh đảm bảo các yêu cầu về an toàn thông tin hệ thống, với nền tảng số, phù hợp với kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuẩn mực

quốc tế, ứng dụng mạnh mẽ những thành tựu khoa học, công nghệ của cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư”.

Dù vậy, phải thừa nhận rằng, hệ thống công nghệ thông tin của Tổng cục Hải quan vẫn còn những tồn tại, hạn chế. Điều này chủ yếu xuất phát từ việc các hệ thống đã được xây dựng và đưa vào sử dụng từ lâu. Hệ thống cốt lõi nhất là Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS đến nay đã hoạt động được hơn 10 năm.

Theo Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan Trần Đức Hùng, thế giới đang ở kỷ nguyên số với sự phát triển như vũ bão của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt sự phát triển chưa từng có của công nghệ số. Theo đó, chuyển đổi số đã trở thành một xu thế tất yếu không thể đảo ngược. Hải quan Việt Nam cũng không nằm ngoài sự vận động chung đó.

Việc chuyển đổi số trong ngành Hải quan là một cuộc cách mạng làm thay đổi cách thức, phương pháp làm việc của cơ quan hải quan trong bối cảnh mới. Nhận thức được tầm quan trọng như vậy, thời gian qua, Tổng cục Hải quan đã dành nguồn lực và sự quan tâm để triển khai công tác chuyển đổi số, trong đó việc xây dựng hệ thống công nghệ thông tin thực hiện Hải quan số.

Điều này cũng được sự ủng hộ của các cấp. Giữa năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ký một công văn riêng gửi các đơn vị liên quan về việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực hải quan, trong đó yêu cầu Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin theo hướng số hóa chứng từ thuộc hồ sơ hải quan tiến tới phi giấy tờ trong thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị tổng kết ngành Hải quan vừa qua, Bộ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng cũng nhấn mạnh yêu cầu Hải quan Việt Nam thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa công tác hải quan, tiếp tục tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Để làm được điều đó, ngành Hải quan tập trung triển khai Dự án xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin thực hiện hải quan số đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ trong thông quan. Đồng thời, nghiên cứu ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ quá trình xây dựng Hải quan số, Hải quan thông minh. Ngành Hải quan phải xác định chuyển đổi số vừa là mục tiêu vừa là giải pháp quan trọng để xây dựng Hải quan Việt Nam chính quy, hiện đại ngang tầm hải quan các nước phát triển trên thế giới.

Đẩy mạnh triển khai kết nối, chia sẻ

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, cùng với nhận thức sâu sắc, rõ ràng, Tổng cục Hải quan đã có những giải pháp cụ thể.

Về xây dựng hệ thống công nghệ thông tin thực hiện Hải quan số, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan (Tổng cục Hải quan) Lê Đức Thành cho hay, trong năm 2025, đơn vị sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan có liên quan đề nghị Chính phủ Nhật Bản hỗ trợ Việt Nam thay thế Hệ thống VNACCS/VCIS và xây dựng hệ thống công nghệ thông tin thực hiện Hải quan số. Đồng thời, tiếp tục triển khai các nội dung xây dựng hệ thống công nghệ thông tin thực hiện Hải quan số, bao gồm hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, yêu cầu kỹ thuật, thực hiện các thủ tục đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin...

Cùng với đó, Tổng cục Hải quan sẽ đẩy mạnh triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống công nghệ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06; tiếp tục tích hợp dịch vụ công trực tuyến Cổng thông tin một cửa quốc gia và Cổng Dịch vụ công quốc gia...

Liên quan đến hoạt động nghiệp vụ, Tổng cục Hải quan sẽ tiếp tục giai đoạn 3 của Dự án mở rộng Cổng Thông tin một cửa quốc gia và kết nối cơ chế một cửa ASEAN cùng lúc với việc triển khai giai đoạn tiếp theo của Dự án này. Trong đó, tham gia triển khai Đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh tại cặp cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Việt Nam) - Hữu Nghị Quan (Trung Quốc).

Cũng theo ông Thành, để làm chủ được công nghệ và các hệ thống, việc phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Hải quan, nâng cao nhận thức là hết sức quan trọng. Do đó, tới đây Tổng cục Hải quan sẽ tăng cường các lớp đào tạo nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; kỹ năng làm việc, sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và các công nghệ số trong môi trường số, chuyển đổi số ngành Hải quan. Ngoài ra, sẽ tổ chức các lớp đào tạo bổ sung kiến thức quản lý, quản trị, triển khai hỗ trợ vận hành các hệ thống ứng dụng, cơ sở dữ liệu, trang thiết bị hệ thống công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; kỹ năng làm việc đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

BỘ NỘI VỤ: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI TRONG LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ (SỬA ĐỔI)

Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ và Cổng thông tin điện tử Chính phủ vào dự thảo Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi).

Dự thảo Luật sửa đổi lần này nhằm đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước “Tinh, Gọn, Mạnh, Hiệu năng, Hiệu lực, Hiệu quả” đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Bộ Nội vụ cho biết, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019 đã góp phần xây dựng một Chính phủ năng động, kiến tạo phát triển, thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập và phát triển; tiếp tục duy trì tổ chức các bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực hợp lý và bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền giữa Chính phủ với chính quyền địa phương, phát huy quyền tự chủ, tự quản, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, bảo đảm sự quản lý tập trung thống nhất của Chính phủ.

Tuy nhiên, sau gần 10 năm thực hiện, Luật đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, cụ thể là:

Về chức năng thực hiện quyền hành pháp của Chính phủ, tuy Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 đã cơ bản cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 nhưng nội hàm về “quyền hành pháp” cần tiếp tục được nghiên cứu, cụ thể hóa hơn nữa để tăng tính chủ động, linh hoạt của Chính phủ trong

điều hành phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là ứng phó kịp thời với các tình huống cấp bách, chưa được dự liệu trong quá trình lập pháp. Việc làm rõ nội hàm “quyền hành pháp” cũng sẽ giúp việc hoàn thiện cơ chế phân công, phối hợp trong việc thực hiện quyền lực nhà nước và tăng tính kiểm soát quyền lực từ phía Chính phủ (cơ quan thực hiện quyền hành pháp) với cơ quan thực hiện quyền lập pháp và thực hiện quyền tư pháp theo yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tình hình mới.

Hiến pháp năm 2013 quy định Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, cơ quan thực hiện quyền hành pháp, cơ quan chấp hành của Quốc hội. Tuy nhiên, các quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ có tính nguyên tắc trong mối quan hệ với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, tư pháp tại Luật Tổ chức Chính phủ còn chưa đủ rõ, đặc biệt là các nội dung về kiểm soát quyền lực giữa cơ quan hành pháp với cơ quan lập pháp và cơ quan tư pháp.

Về phân công, phối hợp trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ: Vẫn còn tình trạng phân quyền trực tiếp cho các Bộ, ngành ngay trong các luật chuyên ngành, trong đó có việc quy định một số Bộ, ngành cùng tham gia quản lý về một ngành, lĩnh vực, vừa chưa bảo đảm sự thống nhất quản lý của Chính phủ theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), vừa thiếu nhất quán trong việc thực hiện nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm. Điều này làm phát sinh sự giao thoa, chồng chéo trong phân công nhiệm vụ dẫn đến nhiều việc phải dồn lên Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc phải thành lập nhiều Ban Chỉ đạo liên ngành để giải quyết.

Phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, ngành; giữa Chính phủ, các Bộ, ngành với chính quyền địa phương còn nhiều hạn chế, có mặt bất cập, đặc biệt việc quy định Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định nhiều vấn đề cụ thể; thiếu đồng bộ về thẩm quyền quyết định và các nguồn lực, điều kiện đảm bảo thực hiện; theo đó, chưa phát huy được tối đa tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, tính chủ động, sáng tạo của các địa phương, đặc biệt là các địa phương tự bảo đảm ngân sách và có vị trí, vai trò động lực trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

Về bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật: Các quy định chung về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ tại Luật Tổ chức Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chưa được thực hiện nhất quán, thống nhất, đồng bộ với các luật chuyên ngành. Luật Tổ chức Chính phủ hiện hành chưa có quy định cụ thể về nguyên tắc tổ chức bộ đa ngành, đa lĩnh vực; quy định về cơ quan thuộc Chính phủ trong Luật Tổ chức Chính phủ chưa được hoàn thiện đồng bộ với các luật chuyên ngành.

Từ những vấn đề nêu trên, việc nghiên cứu sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) là cần thiết (sau đây gọi tắt là Dự thảo Luật sửa đổi).

Việc xây dựng Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi) được thực hiện trên quan điểm quán triệt các chủ trương của Đảng, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước “Tinh, Gọn, Mạnh, Hiệu năng, Hiệu lực, Hiệu quả” đáp ứng yêu

cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và phù hợp với các quy định của Hiến pháp năm 2013.

Hoàn thiện các quy định về tổ chức và hoạt động của Chính phủ để khắc phục các vướng mắc, bất cập và đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, xây dựng Chính phủ số trong tình hình mới.

Xác định những vấn đề có tính nguyên tắc chung về nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ để điều chỉnh chung với các luật chuyên ngành, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Chính phủ, đồng thời thực hiện phân quyền, phân cấp mạnh mẽ, hợp lý giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ với chính quyền địa phương; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của một số nước trên thế giới. Đồng thời, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, liên tục, dân chủ, pháp quyền, phục vụ Nhân dân.

Dự thảo Luật gồm: 6 Chương, 28 Điều. So với Luật hiện hành giảm 01 Chương, giảm 22 Điều và có 03 Mục mới, cụ thể:

Chương I: Những quy định chung, có 08 Điều.

Chương II: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên của Chính phủ, có 3 Mục và 9 Điều, gồm: Mục 1: Chính phủ, có 04 Điều; Mục 2: Thủ tướng Chính phủ, có 02 Điều; Mục 3: Các thành viên khác của Chính phủ, có 03 Điều.

Chương III: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, có 05 Điều.

Chương IV: Chế độ làm việc của Chính phủ, có 06 Điều.

Chương VI: Điều khoản thi hành, có 03 Điều.

Về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ, tại dự thảo Luật, Bộ Nội vụ đề xuất bổ sung và hoàn thiện nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Chính phủ, tạo điều kiện cho Chính phủ chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành và quản lý theo chức năng, nhiệm vụ đã được Hiến pháp quy định, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phân cấp gắn với tăng cường trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ đã được phân cấp.

Trong đó, phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên khác của Chính phủ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực theo phân công của Chính phủ.

Phân cấp hợp lý giữa Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với chính quyền địa phương gắn với điều kiện bảo đảm về nguồn lực, năng lực của địa phương, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương theo nguyên tắc cơ quan được phân cấp chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nội dung được phân cấp.

Về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, dự thảo Luật đã khái quát hóa các nhóm nhiệm vụ của Chính phủ theo từng nhóm cụ thể: (1) Nhiệm vụ Chính phủ trình Quốc hội; (2) Nhiệm vụ Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (3) Nhiệm vụ Chính phủ tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; lệnh quyết định của Chủ tịch nước; (4) Nhiệm vụ quản lý tập trung thống nhất ở trung ương, không phân cấp cho chính quyền địa phương (gồm: Quốc phòng, an ninh, ngoại giao, tiền tệ, thuế, hải quan); (5) Nhiệm vụ Chính phủ thực hiện thống nhất trong việc phân công, phân cấp để phù hợp với khả năng, điều kiện, năng lực và đặc điểm của từng chủ thể.

Đồng thời, đề xuất bổ sung một số nhiệm vụ cụ thể khác thuộc quyền hành pháp của Chính phủ, nhưng chưa quy định rõ trong luật hiện hành hoặc đang được quy định tại các luật khác nay đề xuất chuyển giao cho Chính phủ theo đúng tinh thần Hiến pháp năm 2013.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

ĐỔI MỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG: ĐẨY MẠNH PHÂN QUYỀN GIỮA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC Ở TRUNG ƯƠNG VỚI ĐỊA PHƯƠNG

Bộ Nội vụ đang dự thảo Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) nhằm tiếp tục đổi mới chính quyền địa phương theo hướng đẩy mạnh phân quyền giữa cơ quan nhà nước ở Trung ương với địa phương, tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm sự thống nhất, thông suốt của nền hành chính nhà nước từ Trung ương đến cơ sở.

Bộ Nội vụ cho biết, sau gần 10 năm thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, 04 năm thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019, 03 năm sơ kết thi hành các Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng cho thấy nhìn chung tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương các cấp đã dần đi vào ổn định, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Một số hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung

Bên cạnh đó, quá trình tổ chức thi hành các luật, nghị quyết nêu trên đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, cụ thể như sau:

Một là, mặc dù Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) đã quy định những vấn đề cơ bản về phân định thẩm quyền, phân cấp, phân cấp, ủy quyền, tuy nhiên quá trình thực hiện cho thấy một số nội dung quy định tại Luật còn bất cập, chưa có sự liên thông, thống nhất giữa quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương với các luật chuyên ngành, ảnh hưởng đến việc thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền từ Trung ương đến địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương.

Các quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương chưa tạo thành các nguyên tắc để pháp luật chuyên ngành điều chỉnh cách thức quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương, dẫn đến tình trạng tại các luật chuyên ngành chỉ giao nhiệm vụ cho chính quyền địa phương cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hoặc chỉ quy định chung về nhiệm vụ của chính quyền địa phương các cấp, gây khó khăn trong việc thực hiện nguyên tắc phân quyền, phân cấp, ủy quyền và việc sắp xếp, bố trí tổ chức bộ máy, biên chế trong các cơ quan của chính quyền địa phương.

Hai là, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp cơ bản giống nhau, chưa phân biệt rõ theo từng cấp (tỉnh, huyện, xã) và theo đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo; chưa phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương. Có những nhiệm vụ cả cấp tỉnh, cấp huyện hoặc cả cấp huyện, cấp xã cùng thực hiện nhưng chưa rõ thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp dẫn đến lúng túng trong việc ban hành các quy định về quản lý nhà nước tại địa phương và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bảo đảm phù hợp với đặc điểm của các địa bàn, vùng, miền khác nhau.

Ba là, mô hình tổ chức chính quyền địa phương chưa được thiết kế phù hợp với địa bàn đô thị dẫn đến Quốc hội phải ban hành các Nghị quyết riêng biệt để quy định tổ chức chính quyền đô thị của TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, TP. Hải Phòng. Đa số các đơn vị hành chính trên cả nước đều tổ chức cấp chính quyền địa phương gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương các cấp còn chồng chéo, nhiều tầng nấc, chưa bảo đảm mục tiêu tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả theo chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

Đối với các thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức chính quyền đô thị, quá trình tổ chức thực hiện bước đầu đã mang lại những kết quả tích cực; mặc dù vậy, mô hình chính quyền đô thị vẫn tồn tại một số vướng mắc, bất cập như: việc thực hiện nguyên tắc, chế độ trách nhiệm trong thực thi công vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (người đứng đầu cơ quan hành chính địa phương) còn chưa rõ nét; mức độ tự chủ về ngân sách và biên chế còn hạn chế, tác động đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị,...

Bốn là, tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp (nhất là cấp tỉnh) còn chưa tương xứng với vị trí, vai trò và yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của cơ quan đại diện, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, quyết định các vấn đề của địa phương, thực hiện giám sát và xu thế đẩy mạnh phân quyền từ Trung ương cho địa phương.

Năm là, tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp còn chưa tinh gọn, hoạt động của Ủy ban nhân dân (nơi có tổ chức Hội đồng nhân dân) vẫn còn nặng về sự điều hành của tập thể Ủy ban nhân dân mà chưa phát huy được thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính (Chủ tịch Ủy ban nhân dân) dẫn đến nhiều công việc hàng ngày của Ủy ban nhân dân cũng phải đưa ra tập thể Ủy ban nhân dân bàn hoặc biểu quyết, làm ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả, tính kịp thời của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

Do đó, theo Bộ Nội vụ, việc xây dựng dự án Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) để sửa đổi toàn diện nhằm thay thế Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) là cần thiết.

Việc xây dựng Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) nhằm sửa đổi căn bản, toàn diện và hợp lý các quy định về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương để cụ thể hoá đầy đủ quy định của Hiến pháp năm 2013 và thể chế hoá các chủ trương, định hướng trong các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng, nhằm tiếp tục đổi mới chính quyền địa phương theo hướng đẩy mạnh phân quyền giữa cơ quan nhà nước ở Trung ương với địa phương, tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm sự thống nhất, thông suốt của nền hành chính nhà nước từ Trung ương đến cơ sở.

Đề xuất nhiều điểm mới

Trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và cụ thể hoá 05 chính sách tại Đề nghị xây dựng dự án Luật đã được Chính phủ thông qua, Bộ Nội vụ đề xuất xây dựng dự thảo Luật với nhiều điểm mới.

Cụ thể, về tổ chức đơn vị hành chính, thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC, kế thừa các quy định về tổ chức đơn vị hành chính và thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính tại Luật hiện hành, đồng thời cụ thể hoá nội dung chính sách 5 tại Đề nghị xây dựng Luật, dự thảo Luật đề xuất quy định theo hướng bổ sung nguyên tắc “Tổ chức đơn vị hành chính được thực hiện trên cơ sở quy hoạch tổng thể về đơn vị hành chính quốc gia và từng địa phương phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội” và “Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính các cấp” nhằm thể chế hoá chủ trương của Đảng về sắp xếp đơn vị hành chính.

Quy định cụ thể về lấy ý kiến nhân dân và trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính để thể chế hoá Khoản 2 Điều 110 Hiến pháp năm 2013, đồng thời bảo đảm mục tiêu đơn giản hoá quy trình, thủ tục trong việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, tạo thuận lợi cho việc tiếp tục sắp xếp đơn vị hành chính các cấp trong thời gian tới.

Phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền giữa các cấp chính quyền địa phương

Dự thảo Luật đã dành một chương riêng về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền giữa chính quyền địa phương các cấp (Chương III).

Về nguyên tắc phân định thẩm quyền, Điều 19 dự thảo Luật kế thừa 04 nguyên tắc quy định tại Luật năm 2015 và bổ sung 02 nguyên tắc, gồm: (1) Chính quyền địa phương cấp tỉnh ban hành chiến lược, chính sách trên địa bàn, quản lý nhà nước thống nhất về chiến lược, chính sách và quy hoạch đối với các ngành, lĩnh vực; bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính quốc gia từ trung ương đến địa phương. Chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã là

cấp tổ chức thực hiện, không ban hành chính sách; (2) Chính quyền địa phương các cấp tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quyết định các vấn đề của địa phương đã được luật quy định.

Cơ quan nhà nước ở Trung ương hỗ trợ, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã giao cho chính quyền địa phương trong luật; thực hiện việc giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

Về phân quyền: Kế thừa quy định của Luật hiện hành “việc phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương phải được quy định trong luật”, đồng thời bổ sung quy định trong trường hợp cần thiết, để giải quyết yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phòng chống thiên tai, dịch bệnh, Quốc hội giao Chính phủ điều chỉnh nội dung phân quyền cho chính quyền địa phương khác với quy định của luật, bảo đảm tính linh hoạt, hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung số lượng lớn các luật hiện hành đang quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp trong các ngành, lĩnh vực khác với các nguyên tắc tại Luật này.

Về phân cấp, uỷ quyền: Nhằm khắc phục các hạn chế, bất cập của Luật hiện hành, dự thảo Luật đã đề xuất quy định cụ thể chủ thể phân cấp, uỷ quyền, chủ thể nhận phân cấp, uỷ quyền; điều kiện thực hiện phân cấp, uỷ quyền và trách nhiệm của các cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ phân cấp, uỷ quyền. Theo đó, dự thảo Luật đã đề xuất mở rộng chủ thể được phân cấp, uỷ quyền và chủ thể nhận phân cấp, uỷ quyền nhằm tạo sự chủ động cho chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; quy định chặt chẽ các điều kiện thực hiện phân cấp, uỷ quyền; các trường hợp không phân cấp, uỷ quyền và trách nhiệm của cơ quan phân cấp, uỷ quyền phải bảo đảm các điều kiện để cơ quan nhận phân cấp, uỷ quyền thực hiện nhiệm vụ nhằm hạn chế việc phân cấp, uỷ quyền tràn lan.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ TÀI CHÍNH: ĐỀ XUẤT NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất trong dự thảo Thông tư này quy định việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức

bộ máy của hệ thống chính trị quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Theo dự thảo, đối tượng áp dụng gồm: a) Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; b) Đối với đối tượng quy định tại điểm d, đ, e Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; c) Cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và cán bộ nghỉ thôi việc theo nguyện vọng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng.

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức; cán bộ, công chức cấp xã và người lao động (trừ người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập) như sau:

Một là, đối với cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn dự toán ngân sách chi thường xuyên được giao hàng năm (ngoài phần kinh phí ngân sách nhà nước bố trí để thực hiện chính sách quy định tại khoản 2 phía dưới) để chi trả các chế độ sau: a) Kinh phí bảo lưu mức lương chức vụ cũ hoặc phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ đến hết nhiệm kỳ bầu cử hoặc hết thời hạn bổ nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bầu cử, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; b) Tiếp tục trả nguyên tiền lương hiện hưởng (bao gồm cả các khoản phụ cấp lương) theo vị trí việc làm trước khi được cơ quan, tổ chức, đơn vị cử đi tăng cường đi công tác ở cơ sở theo quy định tại điểm a Khoản 1 và điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; c) Chính sách nâng bậc lương quy định tại điểm d Khoản 1, điểm d Khoản 2 Điều 12 và Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; d) Chi tiền thưởng cho các đối tượng theo quy định tại Khoản 3 Điều 7, điểm d Khoản 1, điểm d Khoản 2 Điều 12; Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

Hai là, Ngân sách nhà nước bố trí một khoản kinh phí để thực hiện các chế độ còn lại (ngoài chế độ tại Khoản 1 nêu trên) tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 14 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP theo nguyên tắc: a) Đối với đối tượng cán bộ, công chức, người lao động thuộc, trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây viết tắt là các Bộ, cơ quan trung ương) thì ngân sách trung ương đảm bảo bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm giao cho các bộ, cơ quan trung ương; b) Đối với các đối tượng cán bộ, công chức; cán bộ, công chức cấp xã và người lao động thuộc, trực thuộc các đơn vị do địa phương quản lý thì ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Ba là, đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau hợp nhất, sáp nhập thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phù hợp với vị trí việc làm đối với cán bộ,

công chức: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Nguồn kinh phí giải quyết chính sách, chế độ đối với viên chức và người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm:

Thứ nhất, đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của Chính phủ: Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

Thứ hai, đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị, nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu hợp pháp khác. Ngân sách nhà nước sẽ bố trí kinh phí giải quyết chính sách, chế độ trên số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

Thứ ba, đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ từ nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

Thứ tư, Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí giải quyết chính sách, chế độ đối với đơn vị sự nghiệp công lập tại Khoản 2 và Khoản 3 này theo nguyên tắc quy định.

Thứ năm, đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sau hợp nhất, sáp nhập được phân loại là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phù hợp với vị trí việc làm đối với viên chức: Ngoài kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức đã được bố trí hằng năm theo quy định, được ngân sách nhà nước cấp bổ sung kinh phí đào tạo, bồi dưỡng bằng 5% tổng quỹ lương cơ bản (không bao gồm phụ cấp) trong năm đầu thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ TƯ PHÁP: ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ XỬ LÝ MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY

Bộ Tư pháp đang đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội quy định về việc xử lý một số nội dung liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý đầy đủ cho hoạt động của tổ chức bộ máy mới sau khi sắp xếp; xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến hệ thống pháp luật khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tránh khoảng trống pháp luật.

Bộ Tư pháp cho biết, theo định hướng của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ và các cơ quan liên quan về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được sắp xếp, tinh gọn, điều chỉnh hợp lý, khắc phục chồng chéo, giao thoa về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cụ thể, tổ chức bộ máy của Chính phủ khóa XV và khóa XVI (nhiệm kỳ 2026 - 2031) dự kiến được tinh gọn như sau: 13 Bộ, 04 cơ quan ngang Bộ (giảm 05 Bộ); 04 cơ quan thuộc Chính phủ (giảm 04 cơ quan thuộc Chính phủ), tiếp tục thực hiện sắp xếp, tinh gọn đầu mối, giảm mạnh các tổng cục, cục, vụ, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cục, vụ, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổng cục; điều chỉnh hợp lý về phân công quản lý nhà nước đối với một số ngành, lĩnh vực, khắc phục chồng chéo, giao thoa về chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ.

Theo yêu cầu, định hướng của Ban chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện công tác tổng kết chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức. Trên cơ sở đó, đề xuất, xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị, bảo đảm phù hợp với định hướng chỉ đạo của của Trung ương và Chính phủ để thực hiện quyết liệt việc sắp xếp tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Chính phủ khóa XV trên cơ sở tổ chức hợp lý các Bộ đa ngành, đa lĩnh vực, xây dựng Chính phủ dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân, tăng cường sự quản lý thông suốt từ Trung ương đến địa phương, trên cơ sở phân cấp, phân quyền hợp lý, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Quá trình thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo phương án sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ có tác động trực tiếp đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Do đó, tại Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW đã giao: “Các Bộ, ngành, cơ quan rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp để xử lý những vấn đề vướng mắc khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy; gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp”. Bộ Tư pháp đã tổng hợp, báo cáo Chính phủ và Ban Chỉ đạo của Chính phủ kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, trong đó, tổng số văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy là 5.026 văn bản (gồm: 160 luật, bộ luật, 08 nghị quyết của Quốc hội, 10 pháp lệnh, 02 nghị quyết của UBTWQH, 833 nghị định, 01 nghị quyết của Chính phủ, 287 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 03 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, 3.722 văn bản cấp bộ), tập trung vào một số nhóm nội dung chính: Nhóm văn bản QPPL chi liên quan đến việc thay đổi tên gọi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Nhóm văn bản QPPL có nội dung “cần xử lý ngay” (ngoài việc thay đổi tên gọi), trong đó có những vấn đề có tính chất chung giữa các bộ và có những vấn đề có tính chất đặc thù riêng của từng bộ, ngành. Ngoài ra, các cơ quan cũng rà soát, đề xuất xử lý theo lộ trình với 326 văn bản.

Bên cạnh đó, các địa phương cũng đã rà soát gần 1.700 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan Trung ương, trong đó kết quả rà soát tập trung liên quan đến quy định về tên gọi của Bộ, cơ quan ngang Bộ ở Trung ương khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy dự kiến sẽ thay đổi hoặc quy định trong văn bản địa phương dẫn chiếu đến các văn bản do các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành (các cơ quan này dự kiến sẽ thay đổi tên gọi, điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ).

Với số lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc diện sắp xếp lớn, phạm vi tác động rộng, nhất là việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, chính quyền địa phương liên quan đến điều chỉnh tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; sự thay đổi về thẩm quyền, chức danh xử phạt vi phạm hành chính; việc thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; về việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; quy trình phối hợp xử lý công việc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị;... đang được quy định tại nhiều luật chuyên ngành và các văn bản dưới luật có liên quan.

Vì vậy, cùng với việc trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các luật về tổ chức bộ máy, Nghị quyết về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Nghị quyết về thành lập một số bộ trên cơ sở tổ chức lại một số Bộ, cơ quan ngang Bộ của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV thì việc nghiên cứu, xây dựng, trình Quốc hội khóa XV xem xét, ban hành Nghị quyết của Quốc hội quy định về việc xử lý một số nội dung liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy tại kỳ họp bất thường tháng 02/2025 là rất cần thiết, bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc sắp xếp tổ chức bộ máy, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, tránh khoảng trống pháp luật, hạn chế tối đa việc thay đổi hệ thống pháp luật liên quan, bảo đảm hoạt động của các cơ quan nhà nước diễn ra liên tục, thông suốt, không bị gián đoạn sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo đúng yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Nội dung đề nghị xây dựng Nghị quyết tập trung vào 2 chính sách:

Chính sách 1: Ban hành quy định cụ thể để xử lý một số nội dung liên quan nhằm bảo đảm hoạt động của các cơ quan, xã hội, người dân, doanh nghiệp được liên tục, thông suốt, thuận lợi khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

Bộ Tư pháp đề xuất quy định nội dung và nguyên tắc xử lý liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy:

Được tiếp tục thực hiện bởi các cơ quan nhận chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đó (bao gồm cả trường hợp thành lập cơ quan mới; trường hợp thay đổi mô hình tổ chức; trường hợp cơ cấu, chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thuộc Chính phủ hoặc cơ quan khác về các Bộ; trường hợp chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ với nhau).

Việc xác định cơ quan thực hiện kiểm sát, kiểm tra, giám sát sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy căn cứ vào nơi đặt trụ sở của cơ quan có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đó. Cơ quan có

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trụ sở tại địa bàn nào thì chịu sự kiểm sát, kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền tại địa bàn đó.

Việc thực hiện nhiệm vụ phối hợp giữa các cơ quan thuộc trường hợp hợp nhất, sáp nhập hoặc phối hợp với cơ quan thuộc trường hợp chấm dứt hoạt động (cơ quan được hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập hoặc tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chấm dứt hoạt động chịu trách nhiệm thực hiện nội dung công việc đó).

Trường hợp sau khi cơ quan sắp xếp tổ chức bộ máy dẫn đến thay đổi quy trình, trình tự, thủ tục giải quyết công việc nhưng chưa sửa đổi ngay được văn bản quy phạm pháp luật quy định về quy trình, trình tự, thủ tục đó thì cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết công việc quyết định điều chỉnh tạm thời quy trình, trình tự, thủ tục giải quyết công việc theo đúng nguyên tắc chuyển giao và tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan.

Quy định việc xử lý liên quan đến thay đổi tên của các cơ quan đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do sắp xếp tổ chức bộ máy (tự động chuyển đổi theo tên của cơ quan mới sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật không phải ban hành văn bản chỉ có nội dung sửa đổi về tên của cơ quan).

Quy định việc thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan nhận chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục hành chính chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thủ tục hành chính thông suốt, không bị gián đoạn; thực hiện công bố, thông báo công khai việc thay đổi cơ quan thực hiện thủ tục hành chính theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn nhận chuyển giao. Trường hợp sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy dẫn đến thay đổi trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục hành chính mà chưa sửa đổi ngay được các văn bản quy phạm pháp luật thì giao một số cơ quan có thẩm quyền (Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) trong phạm vi quản lý nhà nước của mình ban hành hướng dẫn tạm thời để các thủ tục hành chính được thực hiện thông suốt, không bị gián đoạn.

Quy định việc xử lý một số vấn đề liên quan đến thực hiện chức năng thanh tra: Việc thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra, nhất là đối với trường hợp tổ chức lại Tổng cục; việc thực hiện kế hoạch thanh tra và thực hiện các cuộc thanh tra chưa ban hành kết luận thanh tra.

Quy định việc xử lý liên quan đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi sắp xếp tổ chức bộ máy:

Trường hợp chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính do sắp xếp tổ chức bộ máy dẫn đến thay đổi tên gọi nhưng không thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn thì chức danh đó tiếp tục thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đang được giao.

Trường hợp chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính do sắp xếp tổ chức bộ máy dẫn đến thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn, thì chức danh tiếp nhận nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn đã tiếp nhận cho đến khi có quy định mới thay thế.

Quy định việc xử lý liên quan đến thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên (điều ước quốc tế và thoả thuận quốc tế), trong đó quy định trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ trong việc thông báo về sự kế thừa thực hiện và trao đổi, thống nhất với đối tác nước ngoài về sự cần thiết sửa đổi quy định liên quan đến tên gọi của cơ quan được quy định trong điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế; dự kiến về trình tự, thủ tục sửa đổi trong trường hợp cần sửa đổi quy định về tên gọi của cơ quan. Bên cạnh đó, quy định một số chủ thể, cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, xử lý các vấn đề khác trong quá trình thực hiện (Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao) căn cứ các nguyên tắc tại Nghị quyết hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện.

Quy định về giá trị của các văn bản, giấy tờ do các cơ quan trước khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy ban hành (tiếp tục có hiệu lực cho đến khi bị thay thế, bãi bỏ hoặc bị xử lý bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật; không được yêu cầu tổ chức, cá nhân cấp đổi, giấy tờ đã được các cơ quan trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy cấp; trường hợp cá nhân, tổ chức có nhu cầu cấp đổi các giấy tờ đó thì không phải nộp phí, lệ phí thực hiện).

Bộ Tư pháp cho biết, đây là phương án tối ưu để đạt được mục tiêu chính sách, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, kịp thời cho hoạt động của bộ máy sau khi sắp xếp, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, phù hợp với quy định của Hiến pháp, các luật về tổ chức bộ máy nhà nước; thể chế hoá đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW. Giải pháp này giúp hạn chế tối đa việc thay đổi hệ thống pháp luật với số lượng lớn văn bản trong khi thời gian thực hiện cần khẩn trương, bảo đảm tính khả thi để đạt được mục tiêu đề ra, tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí thực hiện cho xã hội, người dân, doanh nghiệp.

Chính sách 2: Ban hành quy định về trách nhiệm, thời hạn rà soát, sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan liên quan để xử lý những vấn đề thuộc thẩm quyền ngoài các nội dung có thể thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết; quy định về thẩm quyền, trách nhiệm xử lý nội dung khác phát sinh sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy mà chưa được quy định tại Nghị quyết và một số nội dung cần chuyển tiếp liên quan đến áp dụng và thực hiện pháp luật sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy.

Bộ Tư pháp đề xuất xác định cụ thể trách nhiệm, thời hạn rà soát, sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan liên quan để xử lý những vấn đề thuộc thẩm quyền (ngoài các nội dung có thể thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết): Đối với văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động của các cơ quan sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy thì phải ban hành để có hiệu lực đồng thời với hiệu lực của Nghị quyết; đối với các văn bản quy phạm pháp luật cần rà soát, sửa đổi để phù hợp với tổ chức bộ máy đã được sắp xếp thì thời điểm thực hiện là sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy.

Xác định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan xử lý nội dung khác phát sinh sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy mà chưa được quy định tại Nghị quyết: Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân

tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan khác có liên quan trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, hướng dẫn tạm thời để triển khai thực hiện thống nhất, kịp thời các vấn đề phát sinh.

Xác định cụ thể một số nội dung cần chuyển tiếp liên quan đến áp dụng và thực hiện pháp luật sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy: Việc sử dụng con dấu, thực hiện thủ tục đăng ký mẫu con dấu, thu hồi con dấu sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy; việc sử dụng các bản phôi, mẫu giấy tờ, biểu mẫu đã được in sẵn trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy bảo đảm tiết kiệm, đúng quy định.

Theo Bộ Tư pháp, đây là phương án tối ưu để bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc sắp xếp tổ chức bộ máy và xử lý kịp thời các nội dung khác phát sinh sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng chưa được quy định tại Nghị quyết, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; bảo đảm hoạt động của các cơ quan, xã hội, người dân, doanh nghiệp được thông suốt, liên tục, thuận lợi, tiết kiệm chi phí.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ TƯ PHÁP: ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Bộ Tư pháp đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ vào dự thảo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi).

Bộ Tư pháp cho biết, qua gần 10 năm thi hành Luật năm 2015, công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận trong việc hình thành hệ thống pháp luật tương đối đồng bộ, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, cơ bản điều chỉnh tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, tạo nền tảng pháp lý, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Bên cạnh các kết quả nêu trên, thực tiễn thi hành Luật năm 2015 cho thấy còn một số tồn tại, hạn chế trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật như chất lượng xây dựng, hoàn thiện pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tính ổn định và khả năng dự báo của một số luật còn chưa cao nên thường xuyên phải sửa đổi; một số quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo, có quy định chưa rõ ràng, rườm rà, cản trở việc thực thi, gây thất thoát, lãng phí các nguồn lực; việc ban hành chính sách, quy định pháp luật điều chỉnh những vấn đề mới còn chậm, chưa tạo khung khổ pháp lý thúc đẩy được động lực tăng trưởng, chưa thích ứng và theo kịp những thay đổi nhanh chóng dưới sự tác động mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; việc phân cấp, phân quyền chưa triệt để, chưa rõ trách nhiệm, vẫn tập trung nhiều ở Trung ương, việc cắt giảm thủ tục hành chính còn hạn chế; tổ chức thi hành pháp luật vẫn là khâu yếu, chưa có cơ chế hữu hiệu để nhận diện, phản ứng chính sách kịp thời...

Do vậy, tại dự thảo, Bộ Tư pháp đề xuất 07 vấn đề đổi mới quan trọng, mang tính đột phá về quy trình xây dựng pháp luật. Cụ thể:

Đề xuất thứ nhất: Đổi mới việc xây dựng Chương trình lập pháp của Quốc hội

Bộ Tư pháp cho rằng, việc xây dựng Chương trình lập pháp cần bảo đảm sự chủ động tối đa cho các cơ quan, cụ thể: (i) bảo đảm sự chủ động của Quốc hội trong việc xây dựng Chương trình kỳ họp, các cơ quan của Quốc hội chủ động được tiến độ thẩm tra, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến và Đại biểu Quốc hội được tiếp cận sớm hồ sơ, chủ động trong việc nghiên cứu, thảo luận, cho ý kiến; (ii) bảo đảm sự chủ động cho Chính phủ và các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc lập đề nghị, soạn thảo và trình dự án luật, giải tỏa vấn đề áp lực, chạy theo tiến độ như hiện nay để chú trọng vào chất lượng của dự án luật.

Dự thảo Luật quy định về Chương trình lập pháp (thay cho tên gọi Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hiện nay) với tính chất là: (i) Chương trình để định hướng cho hoạt động lập pháp; (ii) Chương trình này sẽ mang tính linh hoạt cao.

Đặc biệt, quy trình xây dựng chính sách sẽ được tách bạch ra khỏi quy trình lập Chương trình lập pháp.

Đề xuất thứ hai: Bổ sung hình thức nghị quyết quy phạm của Chính phủ

Theo Luật năm 2008 quy định Chính phủ được ban hành văn bản quy phạm pháp luật dưới 02 hình thức là nghị định và nghị quyết. Với chủ trương đơn giản hóa hình thức văn bản quy phạm pháp luật, Luật năm 2015 đã bỏ hình thức nghị quyết và chỉ giữ lại 01 hình thức văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành là nghị định. Tuy nhiên, thực tiễn công tác chỉ đạo, điều hành và phản ứng chính sách của Chính phủ trong thời gian qua, đặc biệt là trong giai đoạn phòng, chống đại dịch COVID-19 và phục hồi kinh tế sau đại dịch đã đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu, bổ sung thẩm quyền của Chính phủ trong việc ban hành một hình thức văn bản riêng (ngoài nghị định của Chính phủ) với một quy trình xây dựng, ban hành nhanh gọn, kịp thời để văn bản có hiệu lực sau khi ban hành và xử lý ngay vấn đề thực tiễn phát sinh.

Ngoài ra, Luật hiện hành chưa quy định thẩm quyền của Chính phủ trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện thí điểm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Chính phủ, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, chưa bảo đảm được sự linh hoạt và tính kịp thời trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Do đó, dự thảo Luật bổ sung quy định về thẩm quyền của Chính phủ trong việc ban hành nghị quyết quy phạm để thí điểm các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ; giải quyết các vấn đề cấp bách phát sinh từ thực tiễn; để áp dụng pháp luật trong một thời gian nhất định. Đồng thời, quy định một số đặc thù trong xây dựng, ban hành loại văn bản này, bảo đảm nhanh gọn (nghị quyết của Chính phủ có thể có hiệu lực kể từ ngày Chính phủ thông qua).

Đề xuất thứ ba: Phân định rõ thẩm quyền lập pháp và lập quy

Bổ cục và thiết kế nội dung của dự thảo Luật theo hướng, Luật này chỉ quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đối với các văn bản quy phạm pháp luật còn lại, Luật chỉ quy định nguyên tắc, loại hình văn bản quy phạm pháp luật mà các chủ thể được phép ban hành và giao các cơ quan quy định chi tiết.

Đồng thời, sửa đổi, bổ sung khái niệm “văn bản quy phạm pháp luật”, “chính sách” làm cơ sở xác định thẩm quyền của các chủ thể trong lập pháp và lập quy. Điều 2 dự thảo Luật quy định về khái niệm “văn bản quy phạm pháp luật” theo hướng mở với 02 tiêu chí cơ bản: (i) Do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành theo thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này; (ii) Trong đó có quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội (bỏ tiêu chí về áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định). Đồng thời, Khoản 3 Điều 3 dự thảo Luật bổ sung quy định giải thích từ ngữ “chính sách” là biện pháp, giải pháp cụ thể của Nhà nước để thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định.

Để tạo sự chủ động cho các cơ quan trong việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, dự thảo Luật đã: (i) Bổ sung khái niệm “văn bản quy định chi tiết” (là văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể các nội dung được uỷ quyền trong văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn); (ii) Bổ sung quy định trường hợp điều chỉnh những vấn đề thực tiễn biến động thường xuyên, chưa có tính ổn định cao thì uỷ quyền, giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết; (iii) Bỏ quy định về việc giao cơ quan quy định chi tiết và phạm vi nội dung giao quy định chi tiết tại các điều, khoản, điểm cụ thể (nội dung này sẽ được thiết kế thành 01 điều khoản chung tại phần trách nhiệm thi hành của từng văn bản và quy định chung theo hướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và các cơ quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành văn bản đó).

Đề xuất thứ tư: Đổi mới quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Nhằm thể chế hóa chủ trương đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, đổi mới mạnh mẽ quy trình xây dựng pháp luật, trên cơ sở chính sách đã được Chính phủ thông qua, dự thảo Luật quy định đổi mới toàn diện, mạnh mẽ quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó tập trung vào 02 vấn đề lớn, trọng tâm là: (i) đổi mới quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (ii) quy định về quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Đề xuất thứ năm: Đẩy mạnh phân cấp gắn với tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật

Dự thảo Luật bổ sung quy định ban hành văn bản quy phạm pháp luật của một số chủ thể để quy định về vấn đề phân cấp như: Chính phủ ban hành nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành thông tư để phân cấp cho chính quyền địa phương một số vấn đề thuộc phạm vi quản lý; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết, quyết định để phân cấp một số vấn đề thuộc thẩm quyền cho chính quyền địa phương cấp dưới.

Dự thảo Luật bổ sung quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng xây dựng, ban hành và kịp thời tổ chức thi

hành văn bản quy phạm pháp luật; chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ, lãng phí bị tác động trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật...

Đề xuất thứ sáu: Quy định việc chịu trách nhiệm đến cùng của các cơ quan trình dự án luật

Với tinh thần mỗi nhiệm vụ chỉ giao cho một người chủ trì và chịu trách nhiệm, trên cơ sở chủ trương của Đảng về việc đề cao trách nhiệm, nhất là người đứng đầu trong công tác xây dựng pháp luật, quy định về trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền về kiểm soát quyền, lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật, cần thiết phải phân định rõ vị trí, vai trò và trách nhiệm của Chính phủ và Quốc hội trong quy trình xây dựng pháp luật.

Theo đó, Chính phủ làm đúng vai là cơ quan trình dự án luật và chịu trách nhiệm đến cùng với dự án luật do mình trình; Quốc hội là cơ quan lập pháp, có quyền thông qua hoặc không thông qua dự án luật do Chính phủ trình.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm đến cùng, bảo đảm được tính liên tục trong suốt quá trình xây dựng dự án, từ đề xuất, soạn thảo, trình cho đến khâu chỉnh lý dự thảo, đồng thời, bảo đảm tốt hơn việc thi hành luật sau khi được Quốc hội thông qua, dự thảo Luật quy định cơ quan trình chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm tra và các cơ quan có liên quan trong việc nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội để chỉnh lý dự thảo luật.

Đề xuất thứ bảy: Giải thích áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

Hiện nay, hoạt động giải thích pháp luật diễn ra không thường xuyên, cách thức giải thích còn nặng về ban hành những quy phạm bổ sung, việc giải thích pháp luật chưa thực sự hiệu quả trước một nhu cầu lớn và cấp thiết của thực tiễn, nhất là quá trình áp dụng một số luật còn gặp vướng mắc do còn cách hiểu khác nhau về cùng một quy phạm.

Do vậy, dự thảo Luật bổ sung quy định về giải thích áp dụng văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, việc giải thích áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện trong trường hợp quy định của văn bản có cách hiểu khác nhau, không xác định rõ quy định để áp dụng. Cơ quan nào ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì cơ quan đó sẽ giải thích áp dụng văn bản quy phạm pháp luật. Việc giải thích phải đảm bảo đúng với tinh thần, mục đích, yêu cầu, quan điểm chỉ đạo ban hành văn bản quy phạm pháp luật; không được sửa đổi, bổ sung hoặc đặt ra quy định mới.

Cao Tuấn Anh, Trung tâm Thông tin - Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: TIẾP NHẬN, XỬ LÝ HỒ SƠ CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐIỆN TỬ TỪ NGÀY 02/01/2025

Ngày 31/12/2024, Trung tâm Phục vụ hành chính công TP. Hà Nội ban hành Văn bản số 233/TTPVHCC-TCT về việc triển khai dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố.

Thời gian vừa qua, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố đã phối hợp với đơn vị tư vấn FPT xây dựng chức năng cho phép thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố.

Để bảo đảm việc cung ứng dịch vụ tốt nhất, thuận tiện nhất cho người dân, tổ chức trong việc giao dịch các thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố đề nghị Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố chỉ đạo Phòng tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kể từ ngày 02/01/2025.

Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan tổ chức thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, người dân thực hiện và khai thác, sử dụng lại bản sao đã được chứng thực điện tử.

Đề nghị Sở Tư pháp thành phố chủ trì với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, tập huấn hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện theo lĩnh vực quản lý; kịp thời tổng hợp các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện.

* TP. Hà Nội: Giảm thời gian giải quyết đối với 8 thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp

Ngày 27/12/2024, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội Hà Minh Hải ký ban hành Quyết định số 6678/QĐ-UBND về việc thông qua phương án đơn giản hóa 8 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.

Theo đó, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội thông qua phương án đơn giản hóa 8 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.

Trong đó, lĩnh vực công chứng có 4 thủ tục: Hợp nhất văn phòng công chứng giảm từ 20 ngày xuống còn 19 ngày; sáp nhập văn phòng công chứng giảm từ 20 ngày xuống còn 19 ngày; chuyển nhượng văn phòng công chứng giảm từ 20 ngày xuống còn 19 ngày; thành lập hội công chứng viên giảm từ 45 ngày xuống còn 40 ngày.

Lĩnh vực Thừa phát lại có 4 thủ tục gồm: Đăng ký hoạt động văn phòng Thừa phát lại giảm từ 10 ngày xuống còn 9 ngày; đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động văn phòng Thừa phát lại giảm từ 7 ngày xuống còn 6 ngày; đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập văn phòng Thừa phát lại giảm từ 7 ngày

xuống còn 6 ngày; thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng văn phòng Thừa phát lại giảm từ 7 ngày xuống còn 6 ngày.

Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan triển khai phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được phê duyệt theo quy định.

Nguồn: hanoimoi.vn

HÒA BÌNH: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN

Thời gian qua, các ngành, các địa phương trong toàn tỉnh Hòa Bình tập trung thực hiện công tác chuyển đổi số mạnh mẽ, toàn diện. Từ đó, đạt được bước tiến quan trọng trong cải cách hành chính, phục vụ đời sống của người dân và xã hội ngày càng tốt hơn.

Thời gian qua, các ngành, các địa phương trong toàn tỉnh Hòa Bình tập trung thực hiện công tác chuyển đổi số mạnh mẽ, toàn diện. Từ đó, đạt được bước tiến quan trọng trong cải cách hành chính, phục vụ đời sống của người dân và xã hội ngày càng tốt hơn.

Chuyển đổi mạnh mẽ, toàn diện

Thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06/CP), Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp các đơn vị, doanh nghiệp xây dựng, triển khai Dự án Cơ sở dữ liệu giáo dục Hòa Bình và Hệ sinh thái giáo dục thông minh. Nhờ đó, dữ liệu về trường, lớp, đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh, cơ sở vật chất được cập nhật đầy đủ kết nối liên thông dữ liệu với Cơ sở dữ liệu giáo dục quốc gia, đáp ứng hiệu quả công tác tổng hợp, thống kê, phân tích dữ liệu phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành. Tính đến tháng 12/2024, có 98,4% dữ liệu thông tin học sinh, cán bộ, giáo viên trên hệ thống được đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hiện, Ngành triển khai hệ thống truyền thông giáo dục eNetViet, số hóa hồ sơ, thư viện số và các phân hệ trong Hệ sinh thái giáo dục thông minh để giảm tải thời gian, công việc của nhà trường, giáo viên. Cùng với đó, Ngành triển khai đăng ký tuyển sinh đại học, cao đẳng trên Cổng dịch vụ công. Trong năm 2023 và 2024, 100% thí sinh của tỉnh đăng ký tuyển sinh đại học, cao đẳng thực hiện đăng ký trên Cổng dịch vụ công. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án 06/CP, Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai thi điểm học bạ số cấp tiểu học từ lớp 1 đến lớp 4, trong đó, toàn tỉnh Hòa Bình đã ký, phát hành 63.511/63.930 học bạ điện tử, đạt 99,34%, vượt so với yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo đề ra.

Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng thời gian qua, ngành Y tế đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số một cách toàn diện. 100% cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện đã triển khai hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt; 100% cơ sở khám, chữa bệnh tuyến huyện và tỉnh Hòa Bình triển khai hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng khám, chữa bệnh bằng căn cước công dân gắn chip; 100% cơ sở y tế phối hợp đơn vị công an trên địa bàn triển khai đăng ký

lưu trú thông qua ứng dụng VNeID tại các cơ sở khám, chữa bệnh. Toàn tỉnh Hòa Bình thực hiện tích hợp thí điểm Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID cho 103.781 trường hợp; tích hợp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) 106.253 trường hợp; giấy chuyển tuyến 5.196 trường hợp; giấy hẹn khám lại 2.612 người bệnh.

Đối với các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu cho 168.982/203.307 trẻ em trong toàn tỉnh Hòa Bình, đạt 83%; nhập dữ liệu cho 371.649 người lao động vào phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đạt 63% số lao động dự kiến thu thập; rà soát làm sạch 40.680/40.877 người hưởng chính sách an sinh xã hội hàng tháng, đạt 99,5%. Thực hiện chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho 31.715/40.877 người có tài khoản ngân hàng hưởng chế độ hàng tháng, đạt 77,59%; chi trả qua tài khoản cho 26.858/40.877 đối tượng, đạt 65,7%; tiếp nhận 83 hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, giải quyết, trả đúng hạn đạt 100%...

Phục vụ đời sống người dân và xã hội ngày càng tốt hơn

Những kết quả trong công tác chuyển đổi số đã góp phần phục vụ đời sống của người dân và xã hội ngày càng tốt hơn. Anh Bùi Văn Phương, xóm Bura Sen (xã Nánh Nghê, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình) chia sẻ: Người dân được hưởng lợi rất nhiều từ các chương trình, mục tiêu chuyển đổi số. Đặc biệt là từ việc cài đặt tài khoản định danh điện tử và tài khoản trên Cổng dịch vụ công. Từ đó, hạn chế phiền hà, phức tạp khi làm thủ tục hành chính liên quan đến bản thân, nhất là ở địa bàn vùng sâu, xa cách trung tâm huyện cả trăm km.

Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đà Bắc Lương Văn Thi, từ việc đẩy mạnh chuyển đổi số đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành của chính quyền từ huyện đến cơ sở, nhất là ở địa bàn điều kiện địa hình phức tạp, giao thông khó khăn như huyện Đà Bắc. Nếu trước đây huyện tổ chức cuộc họp, cán bộ ở những xã cách xa trung tâm huyện phải đi lại mất thời gian, công sức thì hiện nay những vấn đề này đã được giải quyết khi đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ. Các văn bản chỉ đạo, điều hành được triển khai đến từng địa phương, từng cán bộ lãnh đạo ở cơ sở, nhờ vậy mang lại nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Có thể khẳng định, việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn tỉnh đã mang lại nhiều tiện ích, hiệu quả trong việc phục vụ đời sống người dân và xã hội ngày càng tốt hơn. Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt phương án đơn giản hóa 70 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ngành. Tích hợp, cung cấp 1.310/1.860 thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt 70,43%. Lực lượng Công an đã cấp căn cước cho 728.073/732.456 công dân từ đủ 14 tuổi đủ điều kiện, đạt 99,4%; xác thực và định danh điện tử 500.508 tài khoản, đạt 68%. Cơ quan chức năng đã cấp 1.500 chữ ký số cho người dân, doanh nghiệp. 232 cơ sở y tế thực hiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng căn cước gắn chip, đạt 100%. Đồng bộ, xác thực dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư 782.953/784.926 người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đạt 99,75%... Qua đó, người dân không phải xuất trình nhiều giấy tờ khi giao dịch, dữ liệu được đồng bộ, thông suốt, chính xác; góp phần thúc đẩy, từng bước xây dựng, hoàn thiện xã hội số, công dân số và chính quyền số trong toàn tỉnh Hòa Bình.

Nguồn: baohaobinh.com.vn

SƠN LA: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Đẩy mạnh chuyển đổi số, ngành Tài nguyên và Môi trường của tỉnh Sơn La tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản... góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Phùng Kim Sơn cho biết: Sở đã tập trung xây dựng và triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bảo đảm nâng cao hiệu quả trong quản lý, khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn.

Trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng, thiết lập chuyên mục về chuyển đổi số; ứng dụng hiệu quả phần mềm VNPT - ioffice vào quản lý văn bản điều hành; rà soát, rút ngắn từ 10% đến 30% thời gian giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố, niêm yết theo đúng quy định. Đến nay, 152/152 thủ tục hành chính cấp tỉnh về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đã đạt ở mức độ toàn trình.

Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La phê duyệt Đề án đo đạc, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Sơn La. Đến nay, có 57 xã của huyện, thành phố: Mường La, Mai Sơn, Sông Mã, Phù Yên đã được đo đạc, thành lập bản đồ địa chính chính quy, với tổng diện tích 91.204ha, đạt 6,5% trên tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh Sơn La. Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại 8 huyện, thành phố, với trên 13 triệu thửa đất, phục vụ quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho nhân dân, doanh nghiệp. Hiện nay, 11 huyện, thành phố đang thực hiện vận hành Cơ sở dữ liệu đất đai trên phần mềm VBDLIS, riêng huyện Mường La vẫn sử dụng phần mềm VILIS. Tiếp nhận, sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục (Envisoft) trên địa bàn tỉnh, giúp quản lý, giám sát, kiểm duyệt dữ liệu và truyền dữ liệu từ Sở Tài nguyên và Môi trường về Bộ Tài nguyên và Môi trường; thuận tiện trong khai thác số liệu quan trắc môi trường đảm bảo thống nhất, đồng bộ.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Sơn La có 2 cơ sở nông sản thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục, là Nhà máy tinh bột sắn Sơn La của Chi nhánh Công ty cổ phần tinh bột sắn Phú Yên và Nhà máy chế biến tinh bột sắn của Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La tại huyện Mai Sơn. Còn đối với Nhà máy mía đường, Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tuy không thuộc đối tượng theo quy định nhưng đã tự lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục.

Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Phú Yên, huyện Mai Sơn Ngô Quang Tuấn chia sẻ: Công ty đã hoàn thành việc lắp đặt và truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường với các thông số lưu lượng đầu vào, đầu ra,

nhệt độ, PH, COD, TSS, tổng Nitơ, tổng Xianua theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Ngoài ra, Công ty đã lắp đặt camera giám sát khu vực xử lý nước thải, toàn bộ hình ảnh, dữ liệu được truyền về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường 24/24 giờ, giúp cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát tốt hơn.

Lĩnh vực khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường đã yêu cầu các chủ dự án khai thác khoáng sản lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu trữ thông tin, số liệu liên quan; các cơ sở chế biến nông sản lắp camera giám sát tại khu vực xử lý chất thải, truyền dữ liệu hình ảnh về Sở và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để theo dõi, giám sát. Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp với VNPT Sơn La triển khai thử nghiệm hệ thống thông tin khoáng sản VNPT-iMinerals để quản lý toàn bộ các hệ thống điểm mỏ khoáng sản trên toàn tỉnh Sơn La.

Trong bảo vệ môi trường, phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về môi trường và đa dạng sinh học đã được hoàn thành, cung cấp trên website <https://moitruong.sotnmt.sonla.gov.vn>, bao gồm nhóm thông tin dữ liệu về nguồn thải, chất lượng môi trường và đa dạng sinh học, góp phần nâng cao năng lực quản lý về môi trường trên cơ sở số hóa dữ liệu và tin học hóa các nghiệp vụ quản lý hồ sơ, dữ liệu môi trường.

Dữ liệu về ngành Tài nguyên và Môi trường còn được triển khai chia sẻ trên Trung tâm Điều hành thông minh của tỉnh (IOC), giúp lãnh đạo tỉnh cũng như các sở, ban, ngành có thể nắm bắt, quản lý hiệu quả hơn.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động chuyên môn lĩnh vực tài nguyên và môi trường đã phục vụ tốt công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, dịch vụ công trực tuyến. Ngành Tài nguyên và Môi trường hướng tới 100% dữ liệu của ngành hoàn thiện hệ thống thông tin chuyên ngành trên nền tảng số hóa và vận hành bởi quy trình số, đảm bảo kết nối, chia sẻ, tích hợp với cơ sở dữ liệu của ngành ở cấp Trung ương.

Nguồn: baosonla.org.vn

THÁI NGUYÊN: CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Xác định chuyển đổi số là chìa khóa để phát triển bền vững, thời gian qua tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện quyết liệt công tác chuyển đổi số, là 1 trong 6 tỉnh, thành phố đầu tiên trong cả nước ban hành nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công cuộc chuyển đổi số.

Nghị quyết số 01-NQ/TU tạo sức bật phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Thái Nguyên

Nghị quyết số 01-NQ/TU với mục tiêu đưa tỉnh Thái Nguyên trở thành Trung tâm chuyển đổi số của khu vực trung du miền núi phía Bắc, đến năm 2025 thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số đã mở ra hướng đi mới, tạo động lực mang lại nhiều thành tựu quan trọng trên cả ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số tại tỉnh Thái Nguyên.

Với 15 chỉ tiêu được nêu tại Nghị quyết, tỉnh Thái Nguyên không chỉ thực hiện đạt và vượt hằng năm mà qua đó, chuyển đổi số đã đi vào từng lĩnh vực của đời sống xã hội, làm thay đổi nhận thức của quần chúng nhân dân.

Hiện nay, hạ tầng cứng của tỉnh đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển, đồng bộ, bảo đảm kết nối liên thông, liên vùng quốc gia. Đến nay, tốc độ truy cập mạng băng rộng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ở mạng di động băng rộng đạt 45 Mbps, đối với mạng cố định băng rộng đạt 87 Mbps; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 90%; tỷ lệ hộ có điện thoại thông minh đạt 97%; tỷ lệ hộ có Internet băng rộng cáp quang đạt 76%. Trên địa bàn tỉnh hiện tại có 7 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông g với 1.830 điểm thu phát sóng điện thoại di động (BTS).

Bên cạnh đó, tỉnh Thái Nguyên đã thành lập trên 2.255 tổ công nghệ cộng đồng với gần 15.000 thành viên nòng cốt để hỗ trợ chuyển đổi số cho người dân. Ứng dụng C-Thái Nguyên đã có trên 362.000 lượt cài đặt, 140.000 hộ dân được tạo tài khoản để đưa thông tin lên mạng.

Về Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử đến ngày 03/9/2024, tỉnh Thái Nguyên đạt 83,87/100 điểm, đứng thứ 7/63 tỉnh, thành phố.

Kinh tế số tại tỉnh Thái Nguyên đã cho thấy những lợi ích tích cực cho doanh nghiệp và người dân. Năm 2024, tổng doanh thu kinh tế số ước tính cả năm đạt 711,6 nghìn tỷ đồng. Theo đó, các sở, ngành tăng cường hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp số. Trong đó, chú trọng tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ và các giải pháp trên nền tảng số.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương cũng đẩy mạnh hỗ trợ, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử cho người dân, tăng khả năng tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế.

Toàn tỉnh Thái Nguyên hiện có trên 5 nghìn doanh nghiệp số, trong đó có trên 300 doanh nghiệp công nghệ số cung cấp nền tảng, dịch vụ, giải pháp chuyển đổi số, tư vấn giải pháp chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ giải pháp công nghệ thông tin; có 107 chợ 4.0, đạt 100% các chợ đủ điều kiện triển khai; 820/898 doanh nghiệp, hộ kinh doanh áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan Thuế khởi tạo từ máy tính tiền, đạt tỷ lệ 91,3%.

Mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm đảm bảo chuyển đổi số an toàn, hiệu quả tại tỉnh Thái Nguyên

Giai đoạn này, tỉnh Thái Nguyên đang thực hiện mục tiêu 100% trường đại học, bệnh viện trên địa bàn tỉnh triển khai 5G, làm tiền đề để năm 2025, 100% khu dân cư được phủ sóng 5G, 100% tuyến cao tốc, quốc lộ được phủ sóng băng thông rộng 4G/5G; 100% khách hàng sử dụng mạng Internet đều có thể truy cập FTTH tốc độ Gbps.

Bên cạnh đó, tỉnh mời gọi thu hút đầu tư để xây dựng Trung tâm dữ liệu (DataCenter) quy mô trên 1.000 racks, trên 10MW để cung cấp dịch vụ dữ liệu vùng cũng như nâng cấp trung tâm dữ liệu dùng chung của tỉnh, phục vụ lưu trữ dữ liệu và triển khai các ứng dụng chuyển đổi số; phát triển các mô hình điểm kết hợp giữa hạ tầng mới, ứng dụng đổi mới sáng tạo như

5G campus (mạng 5G trong khuôn viên), Smart factory (Nhà máy thông minh); triển khai hệ thống camera trí tuệ nhân tạo (AI) tại các khu công nghiệp, khu trung tâm... phục vụ công tác theo dõi, quản lý, thống kê người ra vào khu vực và kiểm soát an ninh trật tự.

Đồng thời, triển khai STEM trong giáo dục phổ thông; bổ sung năng lực sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo cho lực lượng lao động theo tinh thần “bình dân học AI” để hình thành nên lực lượng sản xuất mới trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa con người và trí tuệ nhân tạo để người dân tỉnh Thái Nguyên có thể nâng cao mức sống và thu nhập.

Cùng với đó, xác định chuyển đổi số phải gắn liền bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên môi trường số, Tỉnh Thái Nguyên chú trọng nâng cao hiệu quả, chất lượng cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Giai đoạn 2024 - 2025, tỉnh Thái Nguyên phấn đấu trên 90% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt; 100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Tỉnh Thái Nguyên nâng cao hiệu lực và hiệu quả trong phát triển Chính phủ số, hoàn thành xây dựng Kiến trúc số (Chính quyền điện tử tỉnh Thái Nguyên, phiên bản 3.0); xây dựng Chiến lược dữ liệu tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030; triển khai Hệ thống thông tin 1022 kết nối người dân với chính quyền tỉnh Thái Nguyên; triển khai camera giám sát thông minh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI); xây dựng Hệ thống định danh số thống nhất, linh hoạt, dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa VNeID và hệ thống định danh số của tỉnh; triển khai Bản đồ số phục vụ công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là công tác quy hoạch và quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch phát triển tỉnh.

Nguồn: tapchicongthuong.vn

THANH HÓA: BẢO ĐẢM TRÊN 98% HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC GIẢI QUYẾT TRƯỚC VÀ ĐÚNG HẠN

Đó là mục tiêu được Giám đốc Sở Nội vụ Trần Quốc Huy đưa ra tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2025 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tổ chức.

Phát huy những kết quả đạt được trong công tác cải cách hành chính năm 2024 và những năm qua, nhằm góp phần hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; căn cứ Kế hoạch cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2025 đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 5137/QĐ-UBND ngày 26/12/2024, các văn bản chỉ

đạo của Trung ương và tỉnh Thanh Hóa về công tác cải cách hành chính, Giám đốc Sở Nội vụ Trần Quốc Huy đề nghị các cấp, ngành, các địa phương khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Trong đó, cần chú trọng các giải pháp nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công; sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan nhà nước; cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh; hiện đại hóa phương thức quản lý, điều hành, góp phần cải thiện, nâng cao thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) của tỉnh năm 2025.

Đổi mới, đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền về cải cách hành chính, trong đó tập trung các nội dung về công khai, minh bạch, giảm thời gian trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

Đặc biệt, tập trung giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, người dân và doanh nghiệp, bảo đảm trên 98% hồ sơ thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp được giải quyết trước và đúng hạn; số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; tăng tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận và giải quyết trực tuyến; tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên; 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

Triển khai, nhân rộng mô hình “Chính quyền thân thiện, vì Nhân dân phục vụ”. Thực hiện hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; tổ chức đối thoại với người dân, cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn theo thẩm quyền. Chấm dứt tình trạng không trả lời hoặc trả lời chung chung, không cụ thể, không rõ ràng, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm...

Nguồn: daibieunhandan.vn

PHÚ YÊN: NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM THỰC THI CÔNG VỤ

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, hiện đại, có phẩm chất đạo đức, có kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm phục vụ Nhân dân luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu trong cải cách nền hành chính nhà nước.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương

Liên quan đến nội dung tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên đã ban hành Chỉ thị số 23-CT/TU ngày

03/6/2013 và Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 15/12/2023 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tạo ra môi trường làm việc kỷ luật, nguyên tắc và chuyên nghiệp; Quy định số 397-QĐ/TU ngày 20/7/2021 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu các cấp, trước hết là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Yên.

Cụ thể, các quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên đã ban hành nhiều quy định, quy chế như: trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính; xin lỗi tổ chức, cá nhân khi giải quyết thủ tục hành chính sai sót, trễ hạn; quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; quy chế làm việc trên môi trường điện tử...

Đặc biệt, từ năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định xác định chất lượng hoạt động 21 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và 9 Ủy ban nhân dân cấp huyện gắn với đánh giá trách nhiệm người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu.

Việc theo dõi, đánh giá, xếp loại được thực hiện hoàn toàn trên phần mềm điện tử thông qua bộ chỉ số gồm một hệ thống các nội dung, tiêu chí, tiêu chí thành phần mô tả các kết quả đã đạt được, bao trùm toàn bộ quá trình hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, đơn vị và được định lượng bằng điểm số cụ thể.

Năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên tiếp tục hoàn thiện Quy định xác định chất lượng hoạt động các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh gắn với đánh giá trách nhiệm người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu, thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động đối với 43 cơ quan, đơn vị.

Cũng từ năm 2024, các sở, ban ngành triển khai thực hiện đánh giá theo phương pháp này đến cấp phòng chuyên môn, đơn vị thuộc sở và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đánh giá phòng, ban và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Qua đó, thay đổi phương thức đánh giá cán bộ, công chức từ định tính là chính, chuyển sang định lượng dựa trên kết quả sản phẩm cụ thể mang lại, minh bạch, khách quan, đồng bộ và là căn cứ quan trọng để các cấp ủy đảng và cơ quan có thẩm quyền xem xét đánh giá trách nhiệm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; xét thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân.

Bên cạnh đó, để nâng cao trách nhiệm thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu, tại hội nghị giao ban Ủy ban nhân dân tỉnh hàng tháng, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả cải cách hành chính của sở, ngành, địa phương; chỉ rõ và nêu tên những cơ quan, đơn vị chưa làm tốt, các nội dung chưa hoàn thành để chỉ đạo thực hiện.

Đồng thời, chỉ đạo xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết công việc, nhất là quy trình liên thông có sự tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị; tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm về thực hiện công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp. Riêng trong

năm 2024, các cấp, ngành đã tiến hành kiểm tra trực tiếp công tác cải cách hành chính, trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính, kỷ luật kỷ cương hành chính tại 29 cơ quan, đơn vị.

Qua 2 năm thực hiện quy định đánh giá chất lượng hoạt động các cơ quan, đơn vị, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị đã quan tâm, trực tiếp chỉ đạo điều hành các hoạt động cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thực thi nhiệm vụ công vụ.

100% người đứng đầu các cơ quan, địa phương trực tiếp phụ trách, chỉ đạo công tác cải cách hành chính. Năm 2023 là năm đầu tiên tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn toàn tỉnh đạt trên 95%, đạt yêu cầu của Chính phủ giao. Năm 2024, tỷ lệ này tăng lên ở 3 cấp (tỉnh, huyện, xã), đạt 98%.

Cũng từ năm 2023 đến nay, không còn cơ quan, đơn vị nào xếp loại yếu trong thực hiện cải cách hành chính. Bộ Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Văn phòng Chính phủ đánh giá được cải thiện liên tục.

Tiếp tục đổi mới phương thức đánh giá chất lượng

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số tồn tại. Đó là ý thức trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương của một số công chức, kể cả công chức lãnh đạo, quản lý chưa tốt, dẫn đến vi phạm kỷ cương, kỷ luật công vụ; còn tình trạng người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chưa sâu sát, thiếu theo dõi kiểm tra, giám sát công việc của đơn vị mình dẫn đến tình trạng sót việc, không nắm việc.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong nhiều trường hợp chưa thực sự hiệu quả, thông suốt và đồng bộ; vẫn còn tâm lý sợ sai, sợ chịu trách nhiệm nên đùn đẩy, né tránh nhiệm vụ.

Nguyên nhân khách quan, do một số quy định còn chồng chéo, chính sách thay đổi theo từng giai đoạn gây khó khăn trong việc chỉ đạo giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc liên quan đến công tác quản lý đô thị, đất đai, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư...

Những nguyên nhân chủ quan như: việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ chưa thường xuyên; ý thức trách nhiệm phối hợp trong công việc chưa cao; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức thiếu ý thức trách nhiệm và tinh thần phục vụ người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Để nâng cao trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ, tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước, từng bước thay đổi cảm nhận của người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư về sự phục vụ của các cơ quan hành chính, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần tiếp tục đổi mới phương thức đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị, gắn với kết quả thực hiện cải cách hành chính và trách nhiệm người đứng đầu.

Các cơ quan, đơn vị phân công nhiệm vụ phải “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ quy trình, rõ thời gian hoàn thành và rõ hiệu quả”; thường xuyên rà soát, hoàn thiện quy trình nội bộ trong xử lý công việc, nhất là quy trình phối hợp giải quyết công việc liên thông, cụ thể hóa trách nhiệm cá nhân gắn với từng công đoạn; đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức gắn với kết quả thực hiện cụ thể, thực chất, công khai.

Để nâng cao trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ, tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước, từng bước thay đổi cảm nhận của người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư về sự phục vụ của các cơ quan hành chính, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần tiếp tục đổi mới phương thức đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị, gắn với kết quả thực hiện cải cách hành chính và trách nhiệm người đứng đầu.

Bên cạnh đó, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, đồng thời tăng cường hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu, nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ, trách nhiệm phục vụ Nhân dân.

Đề cao và thực hành văn hóa phục vụ người dân và doanh nghiệp trở thành lẽ tự nhiên, là bổn phận và trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, trách nhiệm người đứng đầu trong thực thi nhiệm vụ nhằm khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám tham mưu xử lý công việc, không dám quyết định xử lý công việc theo thẩm quyền dẫn đến quá trình xử lý công việc kéo dài, gây lãng phí thời gian, nguồn lực, cơ hội phát triển; làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, gây cản trở công tác chỉ đạo, điều hành, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

Nguồn: baophuyen.vn

BÌNH PHƯỚC: AN TOÀN THÔNG TIN TRONG KỸ NGUYÊN SỐ

Chuyển đổi số mang lại nhiều lợi ích to lớn, góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra nhiều thách thức về an toàn thông tin. Các cuộc tấn công mạng ngày càng tinh vi, phức tạp, chỉ một sự cố mất an toàn thông tin có thể làm ngưng trệ bộ máy vận hành của cơ quan nhà nước. Do đó, để đảm bảo hệ thống chính quyền số hoạt động thông suốt, tỉnh Bình Phước đã chủ động xây dựng nhiều giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và thúc đẩy cải cách hành chính.

Đảm bảo an toàn từ mỗi cơ quan

Trong tiến trình chuyển đổi số toàn diện, bên cạnh các yếu tố cốt lõi như hạ tầng số, ứng dụng số hay nhân lực số... thì đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin là một trong những vấn đề trọng yếu. Bên cạnh đầu tư xây dựng hạ tầng thông tin, các sở, ngành, địa phương trong tỉnh đã thực hiện nghiêm quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, kịp thời đối phó, ngăn chặn các nguy cơ rủi ro có thể xảy ra.

Diễn hình như huyện Đồng Phú, các hệ thống trang thiết bị cho Bộ phận Một cửa cấp huyện, xã; hệ thống truyền hình trực tuyến, phòng họp không giấy; các phần mềm dùng chung trong chỉ đạo, điều hành từ huyện đến xã, 100% máy tính của cán bộ, công chức đều

được cài đặt hệ điều hành có bản quyền và phần mềm phòng, chống mã độc tập trung và thường xuyên thay đổi mật khẩu để tăng tính bảo mật khi sử dụng các phần mềm dùng chung. Ông Nguyễn Văn Hải, Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin huyện Đồng Phú cho biết: Đảm bảo an toàn cho các hệ thống thông tin quan trọng của huyện là nhiệm vụ được đặt lên hàng đầu. Huyện thường xuyên trang bị kỹ năng cho cán bộ, công chức sử dụng mật khẩu mạnh, thay đổi mật khẩu, nâng cao kỹ năng ứng phó, phát hiện sớm các nguy cơ nhằm bảo vệ thông tin của cơ quan, đơn vị mình.

Với hạ tầng công nghệ được đầu tư đồng bộ, mạng số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, nhà nước trên địa bàn tỉnh được xây dựng và kết nối từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã; phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp đã kết nối, liên thông ngang dọc 4 cấp cho 188 đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh, ngoài ra có 46 đơn vị ngoài công lập đã kết nối vào trực LGSP. Cùng với đó là triển khai tích hợp chữ ký số lên phần mềm quản lý văn bản, sử dụng hoàn toàn văn bản điện tử thay cho văn bản giấy. 11 trung tâm điều hành thông minh cấp huyện, tỉnh Bình Phước đang hoạt động thông suốt thì việc thiết lập môi trường an toàn, an ninh mạng là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách.

Diễn hình như Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) tỉnh Bình Phước, nơi tổng hợp tất cả nguồn thông tin, dữ liệu thuộc nhiều lĩnh vực với hệ thống máy móc hiện đại, đòi hỏi công tác đảm bảo an toàn cho hệ thống luôn được chú trọng. Anh Lê Sỹ Hiệp, chuyên viên vận hành Trung tâm IOC tỉnh chia sẻ: “Trung tâm IOC là bộ phận “đầu não” của hệ thống dữ liệu nên luôn được bảo vệ ở mức cao nhất nhờ hệ thống giám sát và cảnh báo sớm tấn công SOC theo tiêu chuẩn 4 lớp của Bộ Thông tin và Truyền thông. Cán bộ vận hành Trung tâm IOC được đào tạo chuyên sâu, diễn tập thực chiến, giám sát thường xuyên, liên tục, tránh mối đe dọa về các cuộc tấn công mạng”.

Chủ động ứng phó với sự cố

Để đảm bảo an toàn thông tin mạng cho bộ máy cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh hoạt động thông suốt, tỉnh đã thành lập Trung tâm Điều hành thông tin để theo dõi phân tích, báo cáo, giám sát an toàn thông tin toàn tỉnh Bình Phước. Phó Giám đốc Trung tâm Điều hành thông tin, VNPT tỉnh Bình Phước Nguyễn Duy Mạnh cho biết: Trung tâm Điều hành thông tin là nơi tập trung dữ liệu và các phần mềm của toàn tỉnh Bình Phước, phục vụ nhu cầu truy cập, khai thác dữ liệu của các cơ quan nhà nước, do đó, VNPT với vai trò vận hành đã thực hiện trực 24/24 giờ để theo dõi, phân tích, báo cáo và ngăn chặn các mối nguy hại phát sinh để ứng phó kịp thời.

Để tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, tỉnh Bình Phước đã phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cho 201 hệ thống thông tin, đạt 100% các hệ thống thông tin của tỉnh được phê duyệt; triển khai Trung tâm Giám sát an toàn thông tin (SOC) và duy trì hoạt động hệ thống thực hiện giám sát an toàn, an ninh mạng theo tiêu chuẩn 4 lớp của Bộ Thông tin và Truyền thông. Trong năm qua, hệ thống SOC đã giám sát, bảo vệ 3.492 máy, phát hiện và xử lý 67.594 mối nguy hại, 26.912 mối nguy hại cao, 16.006 mối nguy hại nghiêm trọng. Nhờ xây dựng các kịch bản ứng phó từ sớm, từ xa, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với

đơn vị chuyên trách xử lý dứt điểm các mối nguy hại đảm bảo an toàn thông tin cho toàn bộ cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

“Tỉnh Bình Phước đã trang bị phần cứng theo tiêu chuẩn quốc tế. Thành lập đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh; ban hành quy chế hoạt động và phân công các thành viên tham gia phối hợp xử lý, ứng cứu sự cố. Triển khai Trung tâm SOC và duy trì hoạt động hệ thống theo tiêu chuẩn 4 lớp của Bộ Thông tin và Truyền thông. Hằng năm, sở tổ chức diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin mạng, ứng cứu sự cố nhằm giúp cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh có kỹ năng phân tích, phát hiện và xử lý sớm sự cố liên quan đến an toàn thông tin mạng”, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Nguyễn Thanh Phong cho biết.

Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Nguyễn Thanh Phong cũng nhấn mạnh: “Các cuộc tấn công mạng ngày càng tinh vi, phức tạp, có thể gây ra những thiệt hại to lớn về kinh tế, chính trị, xã hội. Vì vậy, cùng với chú trọng đầu tư hạ tầng, tỉnh Bình Phước cũng xây dựng nhiều kịch bản sẵn sàng ứng phó với các nguy cơ về an toàn, an ninh mạng, đảm bảo hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước hoạt động xuyên suốt, an toàn”.

Tỉnh Bình Phước đang đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh, hướng tới xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số theo lộ trình linh hoạt, tiến tới chuyên đổi số toàn diện. Vì vậy, công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng là yếu tố then chốt để chuyên đổi số thành công, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyên đổi số.

Nguồn: baobinhphuoc.com.vn

CÀ MAU: DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN - KHÔNG LÀM THAY NGƯỜI DÂN

Nhằm từng bước hình thành thói quen và nâng cao kỹ năng tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến của người dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau vừa chỉ đạo Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị tiếp tục tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, không trực tiếp làm thay, để người dân quen dần thao tác, các bước thực hiện trên môi trường điện tử.

Thời gian qua, công tác cải cách hành chính của tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực. Tỉnh Cà Mau là một trong những địa phương đầu tiên trong cả nước hoàn thành sớm việc kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an. Sự kết nối này để phục vụ chuyển đổi sang sử dụng VNeID làm tài khoản duy nhất trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử kể từ ngày 01/7/2024. Đồng thời, tỉnh Cà Mau là 1 trong 14 địa phương hoàn thành sớm việc

số hóa dữ liệu sổ hộ tịch lịch sử trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ (giao trước ngày 31/12/2024).

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau được đẩy mạnh, nhiều chỉ tiêu đạt, vượt so với kế hoạch, tỷ lệ hồ sơ được giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến đạt 92,17% (kế hoạch 80%); tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 77,62% (kế hoạch 60%); tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cấp tỉnh đạt 93,25% (kế hoạch 90%), cấp huyện đạt 95,68% (kế hoạch 75%), cấp xã đạt 96,68% (kế hoạch 70%).

Trong năm, có 205.773 hồ sơ cấp tỉnh giải quyết đúng và trước hạn (tỷ lệ 99,99%), 2 hồ sơ trễ hạn (tỷ lệ 0,01%); 27.350 hồ sơ cấp huyện giải quyết đúng và trước hạn (tỷ lệ 99,99%), 3 hồ sơ trễ hạn (tỷ lệ 0,01%); 124.047 hồ sơ cấp xã giải quyết đúng và trước hạn (tỷ lệ 99,98%), 23 hồ sơ trễ hạn (tỷ lệ 0,02%) (không tính hồ sơ ngành dọc); tất cả các trường hợp hồ sơ trễ hạn đều có văn bản xin lỗi theo quy định. Với kết quả giải quyết thủ tục hành chính này, tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau đạt 97,72%.

Đặc biệt, trong năm 2024, tỉnh Cà Mau được Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thành viên Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ ghi nhận và đánh giá cao trong công tác cải cách thủ tục hành chính, có nhiều giải pháp, sáng kiến hiệu quả được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Trong đó, triển khai tiếp nhận và xử lý hồ sơ về trích lục bản đồ địa chính thửa đất, trích đo địa chính thửa đất trên Hệ thống một cửa điện tử. Từ đó, giúp người dân dễ dàng tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có thể kiểm tra, giám sát tiến độ giải quyết hồ sơ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Tỉnh Cà Mau thí điểm tiếp nhận hồ sơ về trích lục bản đồ địa chính thửa đất, trích đo địa chính thửa đất tại Bộ phận Một cửa của TP. Cà Mau và các huyện: Cái Nước, Phú Tân, Năm Căn. Kết quả từ khi triển khai thực hiện (ngày 01/4/2024) đến nay, Bộ phận Một cửa của 4 đơn vị này đã tiếp nhận 9.208 hồ sơ.

Đồng thời, khảo sát, đánh giá kiến thức cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số đối với 4.935 cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Qua đó, giúp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tìm hiểu, cập nhật kiến thức về cải cách hành chính, chuyển đổi số, Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06).

Ngoài ra, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đã phê duyệt Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh. Lũy kể đến nay có 1.375 thủ tục hành chính được cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định, tỷ lệ 63,92%.

Tuy nhiên, theo đánh giá, vẫn còn trường hợp người dân phải nhờ vào sự hướng dẫn, hỗ trợ của công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa để thực hiện nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến. Nguyên nhân được cho là do khả năng sử dụng điện thoại thông minh của một số

người dân chưa thành thạo; còn trông chờ vào công chức hướng dẫn thực hiện việc nộp hồ sơ trực tuyến khi người dân có nhu cầu.

Do vậy, để đảm bảo nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính cho người dân cũng như từng bước số hóa các quy trình thủ tục, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, chỉ đạo bố trí lực lượng của tổ công nghệ số cộng đồng trực tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, tại Bộ phận Một cửa cấp xã (đối với những nơi phát sinh nhiều hồ sơ) để tuyên truyền, hướng dẫn người dân tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn để người dân tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến, không cần phải có sự hướng dẫn, hỗ trợ của công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa. Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng, tổ công tác triển khai Đề án 06, tổ hướng dẫn và hỗ trợ dịch vụ hành chính công... nhằm từng bước hình thành thói quen và nâng cao kỹ năng tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng các hình thức phù hợp, hiệu quả; đảm bảo người dân biết, hiểu và thực hiện, góp phần từng bước hình thành nên những công dân số.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau sẽ tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là đối với các thủ tục hành chính có liên quan đến người dân, doanh nghiệp; kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

Nguồn: baocamau.vn

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Tóm tắt: Pháp luật về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức là nền tảng quan trọng để xây dựng, phát triển văn hóa liêm chính và luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm. Nhằm góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc tiếp tục thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng về chuẩn mực đạo đức trong giai đoạn mới, bài viết khái quát thực trạng và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức thời gian tới.

Quy định về chuẩn mực đạo đức cán bộ, công chức, viên chức hiện nay

Từ điển tiếng Việt giải thích đạo đức là: “1. Đạo lý và đức hạnh, quy tắc nên theo trong cuộc sống; 2. Phẩm chất tốt đẹp của con người”(1).

Tiếp cận theo góc độ pháp luật thì chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức là tổng hợp các nguyên tắc, yêu cầu, quy định của Đảng, Nhà nước và xã hội, trong đó xác định rõ về phạm vi, giới hạn, tính chất, mức độ có thể được phép, không được phép hay buộc phải thực hiện trong hành vi của mỗi người khi thực hiện hoạt động công vụ, hoạt động nghề nghiệp nhằm đảm bảo hiệu quả quản lý, phục vụ, giữ gìn trật tự, kỷ cương xã hội.

Những năm qua Đảng ta đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, quy định, kết luận về chuẩn mực đạo đức cán bộ, công chức, viên chức, điển hình là: Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm; Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

Theo Quy định số 144-QĐ/TW, đạo đức của cán bộ, đảng viên bao gồm 5 nội dung cơ bản và mỗi nội dung được cụ thể hóa bằng các hành vi, biểu hiện khác nhau, ví dụ: tôn trọng, tin tưởng, gần gũi và gắn bó mật thiết với Nhân dân. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; tạo điều kiện để Nhân dân phát huy quyền làm chủ, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại đến dân phải hết sức tránh. Đặt lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích chung của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân lên trên hết, trước hết; kiên quyết, kiên trì đấu tranh với mọi hành vi gây phương hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân là những biểu hiện của “Yêu nước, tôn trọng Nhân dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc”(2).

Nhà nước đã thể chế hóa quy định về đạo đức của cán bộ, đảng viên thành các quy định pháp luật về chuẩn mực đạo đức cán bộ, công chức, viên chức, thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật như: Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định: “Cán bộ, công chức phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ” (Điều 15); các quy định liên quan đến quyền, nghĩa vụ của cán bộ, công chức và những việc cán bộ, công chức không được làm. Khoản 2 Điều 3 Luật Viên chức (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định: “Đạo đức nghề nghiệp là các chuẩn mực về nhận thức và hành vi phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định”; các quy định liên quan đến quyền, nghĩa vụ của viên chức và những việc viên chức không được làm. Chuẩn mực đạo đức công vụ, nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức còn được quy định trong các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức. Ví dụ, quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức được quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023, theo đó tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức bao gồm: chính trị, tư tưởng; đạo đức, lối sống; tác phong, lề lối làm việc; ý thức tổ chức kỷ luật; kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Nội dung các quy định cho thấy phần lớn các tiêu chí có thể hiện chuẩn mực đạo đức, ví dụ: tư tưởng, tác phong, lối sống, lề lối làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật. Ngoài các quy định của Đảng, Nhà nước và Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương còn ban hành quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức.

Bên cạnh những quy định của Đảng, Nhà nước, trong xã hội cũng tồn tại nhiều quy tắc khác nhau để giúp mỗi người có cách ứng xử thể hiện văn hóa trong giao tiếp. Ví dụ như: 06 nguyên tắc “vàng” trong giao tiếp là: xưng hô phù hợp theo độ tuổi, quan hệ; nói rõ ràng, tránh gây hiểu nhầm cho người nghe; hạn chế nói mỉa, móc má, bóng, gió; tránh nói về những chủ đề nhạy cảm; chú trọng khi sử dụng từ ngữ; không nên sử dụng cách nói mang đến sự tiêu cực(3).

Một số bất cập trong quy định về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức

Thứ nhất, cho đến nay với nhiều văn bản được ban hành vẫn chưa cắt nghĩa chính thức và trả lời cho câu hỏi: chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức là gì? Vấn đề này Luật Viên chức có giải thích thể hiện trên hai phương diện là nhận thức và hành vi, nhưng chỉ giới hạn trong hoạt động nghề nghiệp của viên chức. Luật Cán bộ, công chức quy định đạo đức của cán bộ, công chức với những tiêu chuẩn cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, nhưng cũng chỉ giới hạn trong hoạt động công vụ. Trong khi đó, Nghị định số 90/2020/NĐ-CP lại diễn đạt tiêu chuẩn đạo đức dưới dạng không có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa... Việc chậm thể chế hóa theo hướng đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và liên thông giữa quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước đã gây khó khăn cho quá trình thực hiện và có thể dẫn đến sự thiếu công bằng, khách quan trong đánh giá.

Thứ hai, có nhiều nội dung, quy định trong các văn bản với giá trị chính trị, pháp lý khác nhau, theo đó tạo nên tình trạng: “không nhớ được, không làm được hoặc cứ làm, sai đúng tính sau”. Đây là tình trạng diễn ra ở một bộ phận không nhỏ trong khu vực công cũng như trong xã

hội hiện nay “có trên 65% công chức, viên chức không nhớ hết quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức”(4). Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức có sự thiếu thống nhất, khó thực hiện. Chẳng hạn, theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá, các cơ sở giáo dục là trường cao đẳng, đại học, học viện là địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà trường, nhưng theo Thông tư số 11/2023/TT-BYT ngày 11/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về việc thực hiện địa điểm cấm hút thuốc lá và xét tặng giải thưởng môi trường không thuốc lá, theo đó cơ sở giáo dục (không loại trừ các địa điểm nêu trên) là địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà trường và trong phạm vi khuôn viên nhà trường.

Thứ ba, quan điểm trong việc chuyên hóa, phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, nội dung áp dụng các văn bản của Đảng với văn bản quy phạm pháp luật (nhất là các văn bản do Chính phủ, các Bộ, ngành ban hành) chưa rõ ràng, thiếu nhất quán gây khó khăn, lúng túng đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện. Ví dụ: theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, cán bộ là người được bầu theo nhiệm kỳ; công chức là người được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch; viên chức là người làm việc theo chế độ hợp đồng làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên, trong các văn bản của Đảng thì gọi chung là cán bộ, đảng viên. Đảng quy định phải: “Đặt lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích chung của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân lên trên hết”, còn quy định của Chính phủ là “Đặt lợi ích của Đảng, quốc gia, dân tộc, Nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân”, khiến cho không ít cán bộ, công chức, viên chức lúng túng khi thực hiện.

Những chuẩn mực đạo đức theo Quy định số 144-QĐ/TW có phạm vi rộng hơn rất nhiều so với những chuẩn mực về đạo đức là căn cứ đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP). Toàn bộ các nội dung (bao gồm cả các quy định chi tiết đối với mỗi nội dung) trong Quy định số 144-QĐ/TW đều thuộc phạm trù chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, trong đó có nhiều nội dung mà văn bản quy phạm pháp luật chưa đưa vào quy định về đạo đức như “Đặt lợi ích của Đảng, quốc gia, dân tộc, Nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân” thuộc về phạm trù chính trị, tư tưởng. Vì vậy, để thực hiện nghiêm Quy định số 144-QĐ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới, cần thiết phải ban hành mới, sửa đổi, bổ sung khá nhiều văn bản quy phạm pháp luật về quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

Thứ tư, cùng với những khó khăn thách thức kể trên thì mức độ phát triển kinh tế - xã hội; mức độ phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; thực hiện trách nhiệm nêu gương của đảng viên, của đội ngũ lãnh đạo, quản lý; trách nhiệm xã hội của công dân; hiệu quả hoạt động giáo dục, đào tạo; trình độ, năng lực nhận thức và ý thức tu dưỡng rèn luyện đạo đức của mỗi cán bộ, công chức, viên chức là những yếu tố tác động, theo đó đặt ra khó khăn, thách thức trong hoàn thiện và thực hiện chuẩn mực đạo đức cán bộ, công chức, viên chức. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng

lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ đã khẳng định: “Đa số cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp có năng lực, phẩm chất, uy tín”, nhưng cũng “Không ít cán bộ trẻ thiếu bản lĩnh, ngại rèn luyện. Một bộ phận không nhỏ cán bộ phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược, thiếu gương mẫu, uy tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ, quan liêu, xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm.

Một số đề xuất hoàn thiện quy định chuẩn mực đạo đức cán bộ, công chức, viên chức

Một là, trên phương diện nghiên cứu lý luận học thuật, cần định hình rõ quan niệm về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức theo hướng tiếp cận pháp luật làm cơ sở hình thành các quy định liên quan đến vấn đề văn hóa liêm chính. Để thực hiện nội dung này, cần rà soát, thống kê các quy định giải thích từ ngữ trong các văn bản hiện hành liên quan đến chủ đề của khái niệm, quan niệm. Phải định hình nội hàm thuật ngữ, khái niệm theo hướng trả lời một số câu hỏi như: đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức là gì, bao gồm những chuẩn mực nào với từng chủ thể thực hiện, hình thức thể hiện ra sao, kết quả cần đạt được thế nào?

Hai là, tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức, văn hóa liêm chính theo hướng đồng bộ, thống nhất giữa quy định của Đảng với quy định của pháp luật để áp dụng đồng thời với đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị các cấp; đồng thời khắc phục những mâu thuẫn trong các quy định của pháp luật. Căn cứ Quy định số 144-QĐ/TW, các cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực cần nghiên cứu, tổng hợp đề xuất sửa đổi, bổ sung một số văn bản để đảm bảo thực hiện kịp thời, đồng bộ, thống nhất giữa văn bản của Đảng với văn bản của Chính phủ trong quản lý, sử dụng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

Ba là, khắc phục tình trạng các quy định nằm tản mạn ở nhiều văn bản khác nhau, cần nghiên cứu ban hành đạo luật về đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, luật này cần thể chế hóa đầy đủ 05 nội dung chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên được quy định tại Quy định số 144-QĐ/TW với tinh thần khơi dậy mạnh mẽ ý thức trách nhiệm, khát vọng cống hiến, tinh thần đổi mới, hết lòng, hết sức vì Nhân dân phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Cần chỉ rõ những tiêu chuẩn nào được áp dụng chung cho cả cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời, có những quy định riêng về tiêu chuẩn đạo đức phù hợp với tính đặc thù của từng chủ thể. Chẳng hạn, công chức là chủ thể hoạt động công vụ nhân danh quyền lực nhà nước; viên chức là chủ thể hoạt động mang tính nghề nghiệp, không mang tính quyền lực nhà nước nên các tiêu chuẩn về đạo đức cũng cần có những nội hàm riêng. Bên cạnh đó, cần có những quy định chuẩn mực đặc thù cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý về sự nêu gương và trách nhiệm của người đứng đầu, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung.

Bốn là, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quá trình hoàn thiện pháp luật về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phát hiện kịp

thời và xử lý nghiêm minh hành vi lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn, cố ý lồng ghép, đưa vào hoặc không đưa vào trong văn bản quy phạm pháp luật các quy định với mục đích phục vụ, đáp ứng hoặc bảo vệ lợi ích riêng của một nhóm người hoặc lợi ích cục bộ của cơ quan, tổ chức, địa phương, doanh nghiệp mà lợi ích đó có tính chất không chính đáng, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, lợi ích của Nhân dân - thực chất là hành vi vi phạm đạo đức trong thi hành công vụ.

Nhằm là, nghiên cứu cải tiến hệ thống hóa các quy định theo hướng hình thành sổ tay hoặc cẩm nang về văn hóa liêm chính, chuẩn mực đạo đức cán bộ, công chức, viên chức để kịp thời phục vụ việc tra cứu, áp dụng các quy định một cách thuận lợi, cũng như phục vụ việc nghiên cứu rà soát, phát hiện những bất cập trong quá trình thực thi công vụ, thực hiện hoạt động nghề nghiệp để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức.

TS. Vũ Ngọc Hà, Học viện Chính trị khu vực I

Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

(1) Nguyễn Ngọc Bích, Trần Thu Hằng, Chu Anh Tuấn, Quang Úy, Quang Minh, Từ điển tiếng Việt, Nxb Từ điển Bách khoa, H.2005, tr.282.

(2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

(3) <https://vinwonders.com/vi/bai-viet-du-lich/ky-nang-giao-tiep-ung-xu/>.

(4) Tạ Ngọc Hải (Chủ biên), Áp dụng phương thức quản trị doanh nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Nxb Tư pháp, H.2023, tr.72.

MẠNH DẠN NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI, SỰ “HY SINH” CẦN THIẾT CHO TINH GỌN BỘ MÁY

Việc cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý tình nguyện thôi công tác khi vẫn còn tuổi làm việc không chỉ là sự hy sinh, mà còn là sự nêu gương để thúc đẩy cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy được thuận lợi.

“Hy sinh” chức vụ vì sự phát triển của đất nước

Với tinh thần “thần tốc, chỉ bàn làm, không bàn lùi”, cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy đang được tiến hành tích cực, hiệu quả từ Trung ương đến địa phương.

Để việc sắp xếp diễn ra thuận lợi, nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó không ít người là cán bộ chủ chốt ở địa phương đã tình nguyện xin thôi công tác khi vẫn còn tuổi. Họ chấp nhận hy sinh lợi ích cá nhân nhằm tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức tinh gọn, hiệu quả hơn.

Đơn cử như ở tỉnh Thanh Hóa, bà Bùi Thị Mười, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy là cán bộ đầu tiên của tỉnh này tiên phong xin nghỉ hưu trước tuổi, dù bà còn gần 2 năm công tác mới đến tuổi nghỉ hưu.

Ở tỉnh Thái Nguyên, theo kế hoạch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sáp nhập vào Sở Nội vụ. Để quá trình sắp xếp diễn ra thuận lợi, bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tự nguyện xin nghỉ chế độ trước tuổi hơn 3 năm.

Còn ở tỉnh Quảng Ninh, bà Nguyễn Thị Vinh, Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh - người đầu tiên tình nguyện viết đơn nghỉ hưu trước tuổi để địa phương thuận lợi trong việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, dù còn 3 năm công tác.

Ở tỉnh Đồng Tháp, Trưởng ban Ban Dân vận Tỉnh ủy và Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cũng tiên phong xin nghỉ hưu trước tuổi để sắp xếp bộ máy.

Theo PGS. TS. Nguyễn Viết Thông, nguyên Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương, cuộc cách mạng nào cũng đòi hỏi có sự hy sinh. Trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đã có hàng triệu liệt sĩ, thương binh, hàng triệu người bị nhiễm chất độc da cam - họ đã hy sinh để đất nước có được hòa bình, độc lập, tự do như ngày nay. Còn trong cuộc cách mạng lần này, chúng ta phải sắp xếp để bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả hơn, tự tin bước vào công việc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Do đó, sẽ có một bộ phận người phải hy sinh về quyền lợi.

Ông Nguyễn Viết Thông cho rằng, trong đợt tinh gọn này, một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức sẽ bị mất việc làm, thậm chí có những người chức vụ không còn giữ như cũ. Ví dụ, nhập 2 Bộ thành 1 Bộ thì chỉ còn một Bộ trưởng; nhập 2 Ban thì chỉ còn 1 Trưởng ban; nhập 2 - 3 Vụ thành 1 Vụ, chỉ còn một Vụ trưởng, những người còn lại phải “hy sinh”.

Điều đó nói rằng, trong cuộc cách mạng này đòi hỏi sự hy sinh của cán bộ, đảng viên mà như Tổng Bí thư Tô Lâm đã nói, trước hết là các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng

là những người được bổ nhiệm, phân công làm tư lệnh ngành, đơn vị, lần này nhập vào thì cũng phải hy sinh quyền lợi của mình.

“Đó là một sự hy sinh. Mà sự hy sinh này vì ai? Hy sinh vì sự phát triển của đất nước, cả xã hội sẽ được nhờ vì một Việt Nam cất cánh”, ông Nguyễn Viết Thông đồng thời cho rằng, sự hy sinh này cần được ghi nhận như một sự khảng định công lao đóng góp của những cán bộ, đảng viên sẵn sàng nhường vị trí để tạo điều kiện thuận lợi cho sắp xếp tổ chức bộ máy.

Cán bộ nêu gương để thúc đẩy cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy

Tiến sĩ Đinh Duy Hòa, nguyên Vụ trưởng Vụ cải cách hành chính, Bộ Nội vụ cho biết, việc sắp xếp đưng chạm đến các vị trí lãnh đạo thì trước hết các vị lãnh đạo, người đứng đầu, đặc biệt là các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng phải nêu gương. Nêu gương ở đây được thể hiện là nếu đưng chạm đến mình là mình phải sẵn sàng chấp nhận sự sắp xếp ấy, chấp nhận sự hy sinh. Hy sinh ở đây được hiểu là hy sinh quyền lợi, lợi ích mà thông qua sắp xếp mình bị ảnh hưởng.

“Vai trò nêu gương là hết sức quan trọng và cán bộ có nêu gương như vậy thì cấp dưới, xã hội người ta mới nhìn vào, tạo thành sự thúc đẩy cuộc cách mạng này”, ông Đinh Duy Hòa cho biết.

Ông Bùi Hoài Sơn, Đại biểu Quốc hội Đoàn TP. Hà Nội, Ủy viên Thường trực Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội cũng cho rằng, việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy chắc chắn sẽ tạo ra tâm tư, lo ngại đối với không ít cán bộ, công chức, viên chức, bởi đây là một sự thay đổi lớn, liên quan trực tiếp đến công việc, quyền lợi và môi trường làm việc của họ. Tuy nhiên, trong bối cảnh cải cách hành chính và phát triển đất nước, một phần của quá trình này chính là sự hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung.

“Việc đặt lợi ích chung lên hàng đầu, sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân để mang lại hiệu quả tổng thể cho bộ máy và phục vụ người dân tốt hơn, là một thái độ cần thiết và đáng trân trọng trong công cuộc xây dựng đất nước. Cũng giống như trong một đội ngũ, mỗi thành viên cần phải hy sinh một chút vì sự tiến bộ và thành công chung của tập thể. Trong trường hợp này, mỗi cán bộ, công chức, viên chức cần nhìn nhận sự thay đổi này không phải là một mất mát, mà là một cơ hội để hệ thống hành chính trở nên tinh gọn, hiệu quả hơn, từ đó giúp cho đất nước phát triển nhanh chóng và bền vững hơn”, ông Bùi Hoài Sơn nhấn mạnh.

Theo vị đại biểu Quốc hội, bên cạnh việc cán bộ, công chức, viên chức hy sinh quyền lợi cá nhân thì cũng phải có chính sách hỗ trợ hợp lý. Bởi, họ không chỉ hy sinh vì lợi ích của tập thể mà phải cảm nhận được sự công bằng và sự chăm lo từ phía Nhà nước.

“Trong mọi cải cách lớn, sự hy sinh quyền lợi cá nhân vì lợi ích chung luôn là một yếu tố quan trọng, nhưng chỉ khi sự hy sinh đó đi kèm với sự công bằng, minh bạch và hỗ trợ thiết thực thì mới có thể thu hút được sự đồng thuận và cam kết từ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”, đại biểu Bùi Hoài Sơn cho biết.

Nghị định số 178/2024/NĐ-CP về chính sách, chế độ đối với những người thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị có nhiều ưu đãi với người nghỉ hưu trước tuổi.

Theo đó, trường hợp có tuổi đời đủ 10 năm trở xuống so với tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường và đủ 5 năm trở xuống so với tuổi nghỉ hưu trong điều kiện làm việc ở vùng đặc biệt khó khăn và đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để nghỉ hưu thì được hưởng 3 chế độ sau:

Một là, được hưởng trợ cấp hưu trí một lần cho thời gian nghỉ sớm:

Trường hợp nghỉ trong thời hạn 12 tháng: Nếu có tuổi đời còn từ đủ 05 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu, được hưởng trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng nghỉ sớm; nếu có tuổi đời còn từ đủ 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu, được hưởng trợ cấp bằng 0,9 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với 60 tháng.

Trường hợp nghỉ từ tháng thứ 13 trở đi thì được hưởng bằng 0,5 mức trợ cấp của trường hợp nghỉ trong 12 tháng nêu trên.

Hai là, được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi, gồm: Được hưởng lương hưu và không bị trừ tỷ lệ lương hưu. Được hưởng trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, gồm: Đối với người còn từ đủ 2 năm đến dưới 5 năm đến tuổi nghỉ hưu thì được trợ cấp bằng 5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ sớm; Đối với người còn từ đủ 5 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu thì được trợ cấp bằng 4 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu sớm. Được hưởng trợ cấp theo thời gian công tác có trên 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Trường hợp có tuổi đời còn dưới 2 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu, thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

Cán bộ, công chức, viên chức được nghỉ hưu trước tuổi thuộc đối tượng khen thưởng quá trình cống hiến mà còn thiếu thời gian công tác giữ chức vụ lãnh đạo tại thời điểm nghỉ hưu thì được tính thời gian nghỉ hưu sớm tương ứng với thời gian còn lại của nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời gian bổ nhiệm của chức vụ hiện đảm nhiệm để xét khen thưởng quá trình cống hiến. Đối với cán bộ, công chức, viên chức không thuộc đối tượng xét khen thưởng quá trình cống hiến thì được cấp có thẩm quyền xem xét các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đạt được.

Nguồn: vov.vn

NỀN TẢNG BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN MỚI

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị không chỉ là một chiến lược nhằm thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, mà còn định hình nền tảng phát triển dài hạn cho dân tộc Việt Nam.

Từ những giai đoạn cách mạng đầu tiên, Đảng ta đã sớm nhận thức được tầm quan trọng của việc hiện đại hóa đất nước thông qua sự đổi mới, sáng tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến. Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, cạnh tranh quốc tế ngày càng khốc liệt thì việc phát triển khoa học công nghệ đổi

mới, sáng tạo và chuyển đổi số càng cho thấy ý nghĩa cũng như vai trò đặc biệt quan trọng của mình. Đó không chỉ là điều kiện tiên quyết, mà còn là thời cơ và đòi hỏi của thực tế nhằm tạo ra cơ sở vững chắc để đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Ngày 22/12, thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định rõ 7 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện, từ đổi mới tư duy tới xây dựng đội ngũ nhân tài và cả hợp tác quốc tế. Nghị quyết số 57-NQ/TW cũng vạch ra tầm nhìn và mục tiêu cụ thể, bao gồm quy mô kinh tế số tới năm 2030 tối thiểu đạt 30% GDP còn đến năm 2045, tỷ lệ này ít nhất là 50%; trở thành một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số... Với việc vạch rõ con đường đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, hướng tới một tương lai thịnh vượng và bền vững, Nghị quyết số 57-NQ/TW được đánh giá là minh chứng rõ nét thể hiện tầm nhìn chiến lược và quyết tâm chính trị của Đảng ta trong việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Đáng chú ý, theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, Bộ Chính trị quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng ban; đồng thời, thành lập Hội đồng Tư vấn quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước. Điều này không chỉ cho thấy quyết tâm chính trị cao nhất, đảm bảo sự đồng bộ và hiệu quả trong thực thi, mà còn thể hiện rõ tinh thần cầu thị, sẵn sàng lắng nghe các kiến giải liên quan cũng như sự coi trọng chất xám, trí tuệ tập thể, vừa tạo động lực thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, vừa đặt nền móng cho một nền quản trị hiện đại, minh bạch.

Sau 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, trình độ thấp, bị bao vây, cấm vận, trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình, hội nhập sâu, rộng vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế toàn cầu, nền văn minh nhân loại... Hiện nay, như trao đổi của Tổng Bí thư Tô Lâm ngày 31/10/2024 tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, là thời điểm “hội tụ” tổng hòa các lợi thế, sức mạnh để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - tiếp sau kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và kỷ nguyên đổi mới.

Trong bối cảnh đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW ra đời đóng vai trò như một chiến lược mang tính đột phá, đặt nền móng cho sự phát triển bền vững và thịnh vượng của đất nước, thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Tuy nhiên, để tạo sự chuyển động mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, tích cực, thực hiện khát vọng, vươn tới mục tiêu, đạt được những thành tựu vĩ đại... như hàm ý của kỷ nguyên vươn mình thì toàn Đảng, toàn dân và toàn quân cần nỗ lực, tự tin để vượt qua thách thức, vượt qua chính mình, sẵn sàng dấn thân, hy sinh lợi ích cá nhân, đi đầu đổi mới, loại bỏ cái

cũ, cái lạc hậu, dám đổi mới sáng tạo, dám đột phá vì lợi ích chung... Chỉ với sự đồng lòng và hành động quyết liệt, chúng ta mới có thể đưa Nghị quyết số 57-NQ/TW vào cuộc sống, mới biến những mục tiêu đầy tham vọng của kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - thành hiện thực.

Nguồn: baotintuc.vn

SÁT HẠCH THƯỜNG XUYÊN ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ

Trong bối cảnh đất nước không ngừng đổi mới và hội nhập sâu rộng, việc xây dựng một nền hành chính hiệu quả, minh bạch và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ cấp bách. Đề xuất xây dựng cơ chế sát hạch thường xuyên nhằm sàng lọc đội ngũ cán bộ, công chức trên nguyên tắc “có vào - ra, có lên - xuống” của Bộ Nội vụ không chỉ mang tính cần thiết mà còn là nền tảng tạo bước đột phá trong công tác quản lý cán bộ. Tuy nhiên, để cơ chế này thực sự mang lại hiệu quả, cần có sự đồng thuận cao, cách tiếp cận khoa học và linh hoạt trong quá trình thực hiện.

Trước hết, không thể phủ nhận rằng, đề xuất này thể hiện một bước tiến lớn trong tư duy quản lý nhà nước. Thực tế, việc duy trì đội ngũ cán bộ, công chức ổn định trong một thời gian dài mà không có sự đánh giá và sàng lọc thường xuyên đã dẫn đến nhiều hệ lụy. Một số người làm việc không hiệu quả, né tránh trách nhiệm, thiếu năng lực đổi mới nhưng vẫn tồn tại trong bộ máy hành chính. Tình trạng “sáng cấp ô đi, chiều cấp ô về” vốn được nhiều người nhắc đến, trở thành một căn bệnh kinh niên trong hệ thống hành chính nước ta. Điều này không chỉ làm giảm hiệu quả công việc mà còn làm mất lòng tin của người dân đối với chính quyền.

Cơ chế sát hạch thường xuyên sẽ giúp khắc phục tình trạng trên, bảo đảm rằng những cá nhân thực sự có năng lực, tâm huyết và sáng tạo được giữ lại và phát triển, trong khi những người không đáp ứng được yêu cầu sẽ phải rời khỏi hệ thống hoặc chuyển sang vị trí phù hợp hơn. Đây là nguyên tắc “có vào - ra, có lên - xuống” mà Bộ Nội vụ nhấn mạnh, đồng thời cũng là tiêu chí để xây dựng một đội ngũ công chức chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của xã hội.

Dù vậy, một câu hỏi lớn đặt ra là: làm thế nào để cơ chế sát hạch thường xuyên thực sự hiệu quả, minh bạch và công bằng?

Để làm được điều đó, trước hết, mỗi cơ quan, tổ chức cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phù hợp với đặc thù công việc, đồng thời bảo đảm tính minh bạch và khả thi. Các tiêu chí này cần phản ánh được không chỉ năng lực chuyên môn mà còn cả thái độ làm việc, tinh thần trách nhiệm, khả năng sáng tạo và đóng góp thực tế của cán bộ, công chức. Bên cạnh đó, các tiêu chí này cần được công khai để mọi người đều nắm rõ và có thể tự đánh giá bản thân trước khi tham gia sát hạch.

Thứ hai, công tác sát hạch không nên chỉ dựa vào các bài kiểm tra kiến thức lý thuyết mà cần kết hợp nhiều hình thức khác nhau như: phỏng vấn trực tiếp, đánh giá hiệu quả công việc thực tế, kiểm tra kỹ năng xử lý tình huống và khả năng thích nghi với những thay đổi trong môi trường làm việc. Một phương pháp sát hạch toàn diện sẽ bảo đảm rằng những người có năng lực thực sự được ghi nhận.

Thứ ba, để tránh tình trạng tiêu cực, gian lận, cần có cơ chế giám sát độc lập từ các tổ chức bên ngoài, như: các cơ quan kiểm toán, tổ chức xã hội hoặc hội đồng chuyên gia. Việc này không chỉ giúp bảo đảm tính công bằng mà còn tạo sự tin tưởng từ phía công chức và dư luận xã hội.

Thứ tư, kết quả sát hạch không nên chỉ được sử dụng để loại bỏ những người không đạt yêu cầu mà còn cần được gắn kết với các cơ hội phát triển cho những người có năng lực. Các cá nhân xuất sắc nên được ưu tiên tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng và thăng tiến trong sự nghiệp. Ngược lại, những người có kết quả chưa tốt cần được hỗ trợ, đào tạo lại hoặc chuyển sang vị trí phù hợp hơn trước khi đưa ra quyết định cuối cùng.

Như vậy, nếu được xây dựng và thực hiện đúng cách, cơ chế sát hạch thường xuyên sẽ mang lại nhiều tác động tích cực: những cán bộ, công chức không đủ năng lực sẽ được thay thế bởi những người có trình độ, khả năng và nhiệt huyết hơn; một môi trường làm việc minh bạch, công bằng và có cơ hội phát triển sẽ trở thành động lực mạnh mẽ thu hút nhân lực chất lượng cao vào làm việc trong các cơ quan nhà nước; các cán bộ, công chức sẽ có ý thức tự trau dồi, nâng cao năng lực để đáp ứng các yêu cầu sát hạch và nắm bắt cơ hội thăng tiến; một đội ngũ công chức chất lượng cao, làm việc hiệu quả sẽ tạo được lòng tin từ người dân và doanh nghiệp, góp phần cải thiện hình ảnh của bộ máy hành chính công.

Cuối cùng, đề xuất xây dựng cơ chế sát hạch thường xuyên của Bộ Nội vụ là một hướng đi đúng đắn và cấp thiết trong bối cảnh hiện nay. Tuy nhiên, để hiện thực hóa cơ chế này, cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, cách tiếp cận linh hoạt và sự đồng thuận cao từ tất cả các bên liên quan. Cơ chế sát hạch không chỉ là công cụ sàng lọc mà còn là nền tảng thúc đẩy sự phát triển toàn diện của đội ngũ cán bộ, công chức. Đây là tiền đề để xây dựng một nền hành chính hiện đại, minh bạch và hiệu quả, đáp ứng kỳ vọng của người dân và doanh nghiệp, đồng thời góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Nguồn: daibieunhandan.vn

SỬA ĐỔI LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP: CẦN HƯỚNG TỚI CÁC MÔ HÌNH KINH DOANH MỚI

Nền kinh tế Việt Nam đã có những thay đổi sâu sắc. Quy mô GDP hiện đạt khoảng 430 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người tăng lên 4.300USD. Theo quan điểm của Luật sư Hà Huy Phong, Giám đốc điều hành Công ty Luật TNHH Inteco những biến động lớn này đòi hỏi hệ

thống thuế, bao gồm Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, cần được điều chỉnh kịp thời để bắt kịp tốc độ phát triển, đồng thời giải quyết các vấn đề mới phát sinh.

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được Quốc hội khóa XII tại Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 3/6/2008, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2009 (thay thế cho Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2003) và đã được sửa đổi, bổ sung 3 lần. Qua hơn 15 năm thực hiện, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội của đất nước và đạt được các kết quả quan trọng.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, sự phát triển của công nghệ thông tin, các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế số...), qua triển khai thực hiện chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế. Ngoài ra, với sự phát triển nhanh, mạnh của khoa học và công nghệ và Công nghệ thông tin đã tạo điều kiện cho sự xuất hiện và mở rộng của các mô hình kinh doanh mới, nhất là các hoạt động kinh doanh dựa trên nền tảng kỹ thuật số, kinh tế chia sẻ... qua đó, cũng đang đặt ra những yêu cầu mới cho việc hoàn thiện chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam.

Dự thảo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi với 4 Chương và 20 Điều đang thu hút sự chú ý của cộng đồng doanh nghiệp. Bên cạnh những thay đổi quan trọng trong quy định về người nộp thuế và thu nhập chịu thuế, dự thảo Luật còn hướng tới việc cải thiện chính sách ưu đãi thuế để hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới và hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế số.

Luật sư Hà Huy Phong phân tích, tính đến nay, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 có hiệu lực hơn 16 năm, với một số thay đổi và điều chỉnh trong các năm 2013, 2014, 2020, 2022 và 2023. Trong hơn 16 năm qua Luật đã đóng góp quan trọng vào việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế vượt bậc của Việt Nam, từ một nền kinh tế đang phát triển thành một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng GDP hàng đầu khu vực.

Tuy nhiên, thời gian qua, nền kinh tế Việt Nam đã có những thay đổi sâu sắc. Quy mô GDP hiện đạt khoảng 430 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người tăng lên 4.300USD. Những biến động lớn này đòi hỏi hệ thống thuế, bao gồm Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, cần được điều chỉnh kịp thời để bắt kịp tốc độ phát triển, đồng thời giải quyết các vấn đề mới phát sinh.

Việc sửa đổi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có ý nghĩa hết sức quan trọng và cần thiết phải được thực hiện một cách căn cơ, đi từ những nguyên lý điều chỉnh đến các điều khoản cụ thể nhằm phản ánh được yêu cầu đổi mới trong kỷ nguyên vươn mình của đất nước và khắc chế một số tồn tại, bất cập đã được tổng kết trong thời gian vừa qua.

Trước hết, nền kinh tế Việt Nam đã xuất hiện nhiều mô hình kinh doanh mới như kinh tế số, kinh tế chia sẻ và thương mại điện tử. Các nguồn thu nhập từ những lĩnh vực này chưa được điều chỉnh đầy đủ trong luật hiện hành, dẫn đến khoảng trống pháp lý và khó khăn trong quản lý.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng chuyển đổi số đang làm thay đổi mạnh mẽ cách thức hoạt động kinh doanh, từ đó làm phức tạp hóa quy trình quản lý thuế. Vì

dụ, các dòng thu nhập xuyên biên giới thông qua nền tảng kỹ thuật số hoặc các giao dịch điện tử quốc tế đang ngày càng khó kiểm soát nếu không có cơ chế pháp lý chặt chẽ.

Việt Nam đang phải đối mặt với áp lực hội nhập quốc tế, trong đó có việc thực hiện cam kết với các tổ chức tài chính toàn cầu. Các cơ chế điều chỉnh mới như thuế tối thiểu toàn cầu, CBAM (Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon của EU) cũng đang tác động trực tiếp tới chính sách thuế doanh nghiệp. Nếu không có những thay đổi phù hợp, doanh nghiệp Việt Nam sẽ gặp bất lợi khi cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Tất cả những yếu tố này không chỉ đặt ra yêu cầu khắc phục hạn chế của luật hiện hành mà còn mở ra cơ hội để xây dựng một hệ thống thuế hiện đại, đồng bộ hơn.

Do vậy theo luật sư Hà Huy Phong nguyên tắc quan trọng nhất khi hoàn thiện luật là đảm bảo cân bằng giữa yêu cầu tăng thu ngân sách nhà nước và mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Chính sách thuế cần được xây dựng để vừa đảm bảo trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Cụ thể, cần áp dụng mức thuế suất hợp lý, ưu tiên giảm gánh nặng thuế cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, và các ngành công nghiệp xanh. Ngược lại, có thể cân nhắc áp dụng mức thuế cao hơn đối với các ngành khai thác tài nguyên, gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.

“Bên cạnh đó, Luật cần được thiết kế linh hoạt hơn, có khả năng thích ứng với các mô hình kinh doanh mới và nhanh chóng điều chỉnh để phản ánh thực tiễn. Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý thuế cần được chú trọng nhằm giảm thiểu sai sót và tăng cường minh bạch” - luật sư Hà Huy Phong nói đồng thời cho rằng cần xây dựng một khung pháp lý đồng bộ, bao gồm sự phối hợp chặt chẽ giữa Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Quản lý thuế, Luật An ninh mạng, và các hiệp định quốc tế về thuế. Ngoài ra, cần tăng cường năng lực quản lý thuế bằng cách ứng dụng công nghệ hiện đại như blockchain trong kiểm soát giao dịch tài chính, trí tuệ nhân tạo (AI) trong dự đoán và phân tích hành vi trốn thuế.

Việc hợp tác với các tổ chức tín dụng, các sàn thương mại điện tử, và các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán là rất quan trọng để mở rộng phạm vi quản lý thuế. Đồng thời, Việt Nam cần học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia khác trong việc xây dựng các chính sách thuế tối ưu, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế số.

Nguồn: daidoanket.vn

CHÍNH PHỦ: BỔ SUNG QUY ĐỊNH THANH TOÁN CHI PHÍ KHÁM, CHỮA BỆNH

Ngày 01/01/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 02/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành Luật Bảo hiểm y tế, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023. Trong đó có quy định về Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Cụ thể:

Sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 75/2023/NĐ-CP như sau:

“Điều 15. Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Luật Bảo hiểm y tế

1. Người tham gia bảo hiểm y tế khi khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình thông tin về thẻ bảo hiểm y tế theo một trong các trường hợp sau đây:

a) Thẻ bảo hiểm y tế hoặc mã số bảo hiểm y tế; trường hợp thẻ bảo hiểm y tế chưa có ảnh thì phải xuất trình thêm một trong các giấy tờ tùy thân có ảnh: căn cước, căn cước công dân, giấy chứng nhận căn cước, hộ chiếu, tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID hoặc giấy tờ chứng minh nhân thân khác do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc giấy xác nhận của công an cấp xã hoặc giấy tờ khác có xác nhận của cơ sở giáo dục nơi quản lý học sinh, sinh viên;

b) Căn cước hoặc căn cước công dân hoặc tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID đã tích hợp thông tin về thẻ bảo hiểm y tế.

2. Đối với trẻ em dưới 6 tuổi chỉ xuất trình thẻ bảo hiểm y tế hoặc mã số bảo hiểm y tế; trường hợp chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế thì xuất trình giấy khai sinh bản gốc hoặc bản sao hoặc trích lục khai sinh, giấy chứng sinh bản gốc hoặc bản sao hoặc căn cước; đối với trẻ vừa sinh, cha hoặc mẹ hoặc thân nhân của trẻ ký xác nhận trên hồ sơ bệnh án hoặc người đại diện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký xác nhận trên hồ sơ bệnh án trong trường hợp trẻ không có cha, mẹ hoặc thân nhân.

3. Người tham gia bảo hiểm y tế trong thời gian chờ cấp lại thẻ, thay đổi thẻ bảo hiểm y tế hoặc thông tin về thẻ bảo hiểm y tế khi đến khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cấp, cấp lại và đổi thẻ bảo hiểm y tế, thông tin về thẻ bảo hiểm y tế do cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền tiếp nhận hồ sơ cấp lại thẻ, đổi thẻ cấp theo Mẫu số 4 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và một loại giấy tờ chứng minh về nhân thân của người đó theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

4. Người đã hiến bộ phận cơ thể người phải xuất trình thông tin về thẻ bảo hiểm y tế theo quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 3 Điều này. Trường hợp chưa có thẻ bảo hiểm y tế thì phải xuất trình giấy ra viện do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi lấy bộ phận cơ thể người cấp cho

người đã hiển bộ phận cơ thể người và một trong các giấy tờ chứng minh nhân thân của người đó: căn cước, căn cước công dân, giấy chứng nhận căn cước, hộ chiếu, tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID hoặc giấy tờ chứng minh nhân thân khác do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp. Trường hợp phải điều trị ngay sau khi hiển thì đại diện của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi lấy bộ phận cơ thể và người bệnh hoặc thân nhân của người bệnh ký xác nhận vào hồ sơ bệnh án.

5. Trường hợp cấp cứu, người tham gia bảo hiểm y tế phải xuất trình các giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 hoặc Khoản 3 Điều này trước khi kết thúc đợt điều trị.

6. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ quan bảo hiểm xã hội không được quy định thêm thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ngoài các thủ tục quy định tại Điều này. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ quan bảo hiểm xã hội cần sao chụp thẻ bảo hiểm y tế, các giấy tờ liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh của người bệnh để phục vụ cho công tác quản lý thì phải tự sao chụp sau khi có ý kiến đồng ý của người bệnh hoặc người giám hộ người bệnh, không được yêu cầu người bệnh sao chụp hoặc chi trả cho khoản chi phí này.”

Sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP như sau:

“c) Bản chụp quyết định xếp cấp hoặc tạm xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền; đối với trường hợp quy định tại điểm đ và điểm h Khoản 4 Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế và điểm c Khoản 5 Điều 14 của Nghị định này còn phải có bản chụp văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được xếp tuyền chuyên môn kỹ thuật trước ngày 01/01/2025. Các văn bản này phải có đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”.

Đối với Khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung như sau: “1. Người tham gia bảo hiểm y tế thuộc đối tượng quy định tại các Khoản 3, 4, 7, 8, 9 và 11 Điều 3 của Nghị định này trong trường hợp cấp cứu hoặc đang điều trị nội trú phải chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Điều 27 của Luật Bảo hiểm y tế.”.

Bổ sung các Khoản 11, 12 và 13 vào sau Khoản 10 Điều 27 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP như sau:

“11. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân đề xuất thanh toán chi phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo giá khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của dịch vụ kỹ thuật đó do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định hoặc phê duyệt cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tỉnh), chịu trách nhiệm về đề xuất của mình và được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo nguyên tắc cụ thể như sau:

a) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân cấp chuyên sâu được thanh toán không cao hơn giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cao nhất của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu của nhà nước trên địa bàn tỉnh hoặc của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản của nhà nước trên địa bàn tỉnh trong trường hợp không có cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu của nhà nước trên địa bàn tỉnh;

b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân cấp cơ bản được thanh toán không cao hơn giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cao nhất của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản của nhà nước trên địa bàn tỉnh;

c) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân cấp ban đầu được thanh toán không cao hơn giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thấp nhất của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản của nhà nước trên địa bàn tỉnh;

d) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân thực hiện các dịch vụ kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục nhưng chưa được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định hoặc phê duyệt giá cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh, được thanh toán không cao hơn dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cao nhất của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước có cùng cấp chuyên môn kỹ thuật thuộc tỉnh giáp ranh hoặc tỉnh khác trên toàn quốc trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh giáp ranh không có giá của dịch vụ kỹ thuật đó theo nguyên tắc quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

12. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thực hiện các dịch vụ kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền quy định hoặc phê duyệt giá cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó thì được thanh toán không cao hơn giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cao nhất của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước có cùng cấp chuyên môn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh hoặc tỉnh giáp ranh hoặc tỉnh khác trên toàn quốc trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh giáp ranh không có giá của dịch vụ kỹ thuật đó theo nguyên tắc quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 11 Điều này.

13. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thực hiện dịch vụ kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục (trừ các dịch vụ chăm sóc đã tính trong chi phí ngày giường điều trị, các dịch vụ là một công đoạn đã được tính trong chi phí của dịch vụ khác) nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền quy định hoặc phê duyệt giá dịch vụ kỹ thuật cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc hoặc dịch vụ kỹ thuật đã được chỉ định thực hiện nhưng vì nguyên nhân diễn biến bệnh hoặc thể trạng người bệnh nên không thể tiếp tục thực hiện được kỹ thuật đã chỉ định, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thanh toán chi phí thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cụ thể như sau:

a) Thanh toán theo số lượng thực tế các loại thuốc, thiết bị y tế thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế đã sử dụng cho người bệnh và giá mua theo quy định của pháp luật;

b) Thanh toán chi phí tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản đóng góp và phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật (nếu có) theo mức do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.”.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BÃI BỎ MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CẤM KINH DOANH, HẠN CHẾ KINH DOANH

Chính phủ ban hành Nghị định số 173/2024/NĐ-CP bãi bỏ một phần Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện và bãi bỏ Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

Tại Nghị định số 43/2009/NĐ-CP, Chính phủ bổ sung số thứ tự 19 (thuốc lá điếu, xì gà và các dạng thuốc lá thành phẩm khác nhập lậu) vào Mục A của Phụ lục I trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh (ban hành kèm theo Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ).

Nghị định số 173/2024/NĐ-CP đã bãi bỏ toàn bộ Nghị định số 43/2009/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định số 59/2006/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, Nghị định số 173/2024/NĐ-CP cũng bãi bỏ một phần Nghị định số 59/2006/NĐ-CP như sau:

Bãi bỏ điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 4 và Điều 6 (Điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh), Điều 7 (Điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện), Điều 8 (Kiểm tra điều kiện kinh doanh).

Bãi bỏ điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5, điểm 6, điểm 7, điểm 8, điểm 9, điểm 10, điểm 11, điểm 12, điểm 14, điểm 17 và điểm 18 tại Mục A về Hàng hóa và toàn bộ Mục B về Dịch vụ của Phụ lục I Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh.

Bãi bỏ Phụ lục II Danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và Phụ lục III Danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện.

Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật quản lý khoáng sản đặc biệt, độc hại trước ngày 30/6/2027.

Bộ Y tế ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật quản lý các loại thuốc chữa bệnh cho người, các loại vaccine, sinh phẩm y tế, mỹ phẩm, hóa chất và chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế chưa được phép sử dụng tại Việt Nam; các loại trang thiết bị y tế chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trước ngày 30/6/2027.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2025.

Nguồn: baohinhphu.vn

CHÍNH PHỦ: QUY ĐỊNH MỚI VỀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG CỦA CƠ QUAN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Ngày 27/12/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 171/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 166/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

Theo đó, Nghị định này quy định bổ sung Điều 5a “Sắp xếp lại, xử lý tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài”. Trong đó nêu rõ: Các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện rà soát tài sản hiện có bảo đảm tiêu chuẩn, định mức tại Nghị định này; trên cơ sở đó thực hiện như sau:

Đối với tài sản phù hợp với tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định này thì được tiếp tục quản lý, sử dụng. Cơ quan đại diện, bộ phận biệt phái, cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài có tài sản thực hiện thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức thì cơ quan Việt Nam ở nước ngoài báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo các hình thức quy định tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định tại Nghị định này.

Nghị định này cũng bổ sung Điều 12a “Điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở, nhà riêng Đại sứ”.

Theo đó, việc điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở, nhà riêng Đại sứ được thực hiện trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 42 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Về thẩm quyền quyết định, Nghị định nêu rõ: Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở, nhà riêng Đại sứ giữa các bộ, cơ quan Trung ương, giữa Trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở, nhà riêng Đại sứ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan Trung ương.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Liên quan đến giá xe ô tô và đối tượng sử dụng xe ô tô của cơ quan đại diện, Nghị định sửa đổi Điều 16 “Chủng loại, số lượng, giá xe ô tô và đối tượng sử dụng xe ô tô của cơ quan đại diện” như sau:

Đối với xe ô tô phục vụ công tác các chức danh Đại sứ và các chức danh tương đương, Đại biện, Trưởng phái đoàn Việt Nam tại các tổ chức quốc tế được sử dụng thường xuyên 1 xe ô tô phục vụ công tác với giá tối đa chưa bao gồm các loại thuế là 90.000 USD/xe (mức quy định tại Nghị định số 166/2017/NĐ-CP là 65.000 USD/xe); Tổng lãnh sự và chức danh tương đương được sử dụng thường xuyên 1 xe ô tô phục vụ công tác với giá tối đa chưa bao gồm các loại thuế là 85.000 USD/xe (mức quy định tại Nghị định số 166/2017/NĐ-CP là 60.000 USD/xe).

Căn cứ mặt bằng giá và yêu cầu phục vụ hoạt động ngoại giao tại mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ và giá xe tối đa quy định nêu trên, Bộ Ngoại giao quyết định chủng loại, nhãn hiệu và giá xe phù hợp để trang bị xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh quy định nêu trên.

Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan đại diện (trừ bộ phận biệt phái), Nghị định quy định, các chức danh của cơ quan đại diện tùy theo điều kiện cụ thể và tính chất công việc được bố trí xe ô tô phục vụ công tác theo quy định của Thủ trưởng cơ quan đại diện.

Số lượng biên chế để xác định số lượng xe ô tô quy định này không bao gồm các chức danh đã được trang bị xe theo quy định xe ô tô phục vụ công tác các chức danh nêu trên.

Trường hợp cơ quan đại diện có các bộ phận sáp nhập, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các bộ phận sáp nhập được xác định tương ứng số lượng biên chế của từng bộ phận theo quy định trên.

Về giá xe phục vụ công tác chung, Nghị định nêu rõ, 1 xe ô tô với giá tối đa chưa bao gồm các loại thuế là 55.000 USD/xe; số xe còn lại với giá tối đa chưa bao gồm các loại thuế là 45.000 USD/xe.

Ngoài ra, Nghị định này cũng sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc, diện tích nhà ở

1. Diện tích làm việc, diện tích nhà ở của chức danh đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài mà nước sở tại có quan hệ đặc biệt, đối tác chiến lược:

Số TT	Chức danh	Tiêu chuẩn diện tích làm việc tối đa (m2 sàn/người)	Tiêu chuẩn diện tích nhà ở tối đa (m2 sàn/người)
1	Nhóm 1: Đại sứ, Đại biện, Trưởng phái đoàn Việt Nam tại các tổ chức quốc tế, Tổng Lãnh sự và chức danh tương đương	50	132
2	Nhóm 2: Công sứ, Tham tán Công sứ, Tham tán, Phó trưởng phái đoàn Việt Nam tại các tổ chức quốc tế, Phó Tổng Lãnh sự, Trưởng Đại diện cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài và chức danh tương đương	35	112
3	Nhóm 3: Lãnh sự, Phó lãnh sự, Bí thư, Phó	15	82

	trưởng Đại diện cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài và chức danh tương đương		
4	Nhóm 4: Chức danh khác (riêng nhân viên hợp đồng không được bố trí diện tích nhà ở)	10	72

2. Diện tích làm việc, diện tích nhà ở của chức danh đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài tại các nước không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này:

Số TT	Chức danh	Tiêu chuẩn diện tích làm việc tối đa (m2 sàn/người)	Tiêu chuẩn diện tích nhà ở tối đa (m2 sàn/người)
1	Nhóm 1: Đại sứ, Đại biện, Trưởng phái đoàn Việt Nam tại các tổ chức quốc tế, Tổng Lãnh sự và chức danh tương đương	40	122
2	Nhóm 2: Công sứ, Tham tán Công sứ, Tham tán, Phó trưởng phái đoàn Việt Nam tại các tổ chức quốc tế, Phó Tổng Lãnh sự, Trưởng Đại diện cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài và chức danh tương đương	30	102
3	Nhóm 3: Lãnh sự, Phó lãnh sự, Bí thư, Phó trưởng Đại diện cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài và chức danh tương đương	10	72
4	Nhóm 4: Chức danh khác (riêng nhân viên hợp đồng không được bố trí diện tích nhà ở)	08	62

3. Việc xác định cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được căn cứ trên cơ sở phân loại đối tác quan hệ ngoại giao của Chính phủ.

4. Trường hợp diện tích từng phòng làm việc, từng căn hộ trong trụ sở, quỹ nhà hiện có hoặc thực tế thị trường cho thuê văn phòng, nhà ở tại địa bàn cần thuê mới không có loại phòng làm việc, căn hộ có diện tích chính xác như diện tích tối đa quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép được điều chỉnh diện tích bố trí, đi thuê mới cho từng chức danh cho phù hợp với thực tế nhưng phải bảo đảm tổng diện tích bố trí, đi thuê cho các chức danh không vượt quá tổng diện tích nhà làm việc, tổng diện tích nhà ở của các chức danh tính theo định mức diện tích làm việc, diện tích nhà ở quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này tại từng địa bàn.”.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

Cao Tuấn Anh, Trung tâm Thông tin - Bộ Nội vụ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: BÃI BỎ MỘT SỐ QUYẾT ĐỊNH VỀ LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI

Ngày 31/12/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/2024/QĐ-TTg bãi bỏ một phần, toàn bộ một số quyết định của Thủ tướng Chính phủ thuộc lĩnh vực tài chính đất đai.

Theo Quyết định số 25/2024/QĐ-TTg, bãi bỏ toàn bộ 9 Quyết định sau đây:

1. Quyết định số 44/2010/QĐ-TTg ngày 10/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất xây dựng công trình phụ trợ đường cao tốc quốc gia.

2. Quyết định số 57/2010/QĐ-TTg ngày 17/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về miễn tiền thuê đất đối với các dự án xây dựng kho dự trữ 4 triệu tấn lúa, ngô, kho lạnh bảo quản thủy sản, rau quả và kho tạm trữ cà phê theo quy hoạch.

3. Quyết định số 33/2011/QĐ-TTg ngày 10/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn tiền sử dụng đất ở cho hộ dân làng chài, dân sống trên sông nước, đằm phá di chuyển đến định cư tại các khu, điểm tái định cư.

4. Quyết định số 48/2012/QĐ-TTg ngày 01/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 204/2005/QĐ-TTg ngày 15/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Quyết định số 11/2015/QĐ-TTg ngày 03/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao (cấp) không đúng thẩm quyền trước ngày 15/10/1993 tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

6. Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

7. Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

8. Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

9. Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2023.

Bên cạnh đó, Quyết định số 25/2024/QĐ-TTg cũng bãi bỏ Khoản 4 Điều 3 Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: PHÊ DUYỆT

ĐỀ ÁN XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ QUY HOẠCH

Ngày 02/01/2025, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg phê duyệt Đề án xây dựng và quản lý Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

Đề án được thực hiện trên phạm vi cả nước, áp dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước về quy hoạch tại các Bộ, ngành, địa phương. Dữ liệu được thu thập, tổng hợp, xử lý và cập nhật trong Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch gồm cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có), quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.

Theo đó, Mục tiêu của Đề án là hình thành Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch, kết nối, liên thông, tích hợp, chia sẻ thông tin dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan đến quy hoạch của các Bộ, ngành, địa phương trên môi trường điện tử nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về quy hoạch, phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của lãnh đạo Chính phủ, lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương, giúp đơn giản hóa, thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quy hoạch, bảo đảm thuận tiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng thông tin quy hoạch.

Đề án đặt mục tiêu đến năm 2030, 100% cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện được thu thập, xây dựng trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS hóa) để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch và được cung cấp, chia sẻ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

Hoàn thành đầu tư 100% các phần mềm, ứng dụng cho phép các cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp, người dân kết nối Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch để cung cấp dịch vụ thông tin quy hoạch theo nhu cầu.

Nhiệm vụ của Đề án là: Hoàn thiện thể chế, ban hành quy định, hướng dẫn yêu cầu kỹ thuật để xây dựng và triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; quản lý, vận hành, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ.

Trong đó, Đề án triển khai xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư để quản trị, vận hành, khai thác và chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch đáp ứng an toàn hệ thống thông tin tối thiểu đạt cấp độ 3; đồng thời, xây dựng hạ tầng kỹ thuật dự phòng

phục vụ triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch hoạt động song song, bảo đảm năng lực sao lưu dữ liệu và có khả năng phục hồi sau thảm họa.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch bao gồm một tập hợp các thông tin, dữ liệu quy hoạch được sắp xếp, tổ chức để truy cập, cung cấp, chia sẻ, quản lý, khai thác và cập nhật thông qua phương tiện điện tử, bao gồm: Cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt và được lưu trữ theo quy định tại Điều 44 Luật Quy hoạch. Cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định tại Luật Quy hoạch, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch đô thị và nông thôn. Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên. Thông tin, dữ liệu khác liên quan đến quy hoạch.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được cập nhật và duy trì thường xuyên, đảm bảo tính mới nhất và đáng tin cậy của thông tin quy hoạch.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ TÀI CHÍNH: BÃI BỎ MỘT SỐ THÔNG TƯ TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI

Ngày 25/12/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 89/2024/TT-BTC bãi bỏ một phần, toàn bộ một số Thông tư trong lĩnh vực tài chính đất đai do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trước ngày Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023 có hiệu lực thi hành.

Theo đó, Thông tư này nêu rõ, bãi bỏ toàn bộ 12 Thông tư sau đây:

1. Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

2. Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

3. Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

4. Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

5. Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ

Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

6. Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

7. Thông tư số 207/2014/TT-BTC ngày 26/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định tiền thuê đất đối với công ty nông, lâm nghiệp sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

8. Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao.

9. Thông tư số 80/2017/TT-BTC ngày 02/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản gắn liền với đất được hoàn trả khi Nhà nước thu hồi đất và việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường tài sản do Nhà nước giao quản lý, sử dụng, số tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất.

10. Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

11. Thông tư số 124/2016/TT-BTC ngày 03/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý số tiền thu được từ cho thuê, cho thuê mua và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; thanh toán tiền chênh lệch khi thuê nhà ở công vụ và quản lý tiền thu được từ cho thuê nhà ở công vụ theo quy định tại Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

12. Thông tư số 139/2016/TT-BTC ngày 16/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, hoàn trả lại hoặc khấu trừ vào nghĩa vụ tài chính cho chủ đầu tư khi đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và phương pháp xác định tiền sử dụng đất phải nộp khi người mua, thuê mua được phép bán lại nhà ở xã hội.

Bên cạnh đó, bãi bỏ một phần các Thông tư như sau: Bãi bỏ quy định về giao đất, cho thuê đất, ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa quy định tại các Khoản 3, 4 và 5 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

*** Bộ Chính trị:**

Quyết định số 214-QĐ/TW về việc điều động, bổ nhiệm PGS.TS. Trần Thanh Giang, Phó Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng trường Học viện Báo chí và Tuyên truyền giữ chức Phó Giám đốc Học viện Hành chính và Quản trị công, kể từ ngày 08/01/2025.

*** Chủ tịch nước:**

Quyết định bổ nhiệm chức danh Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao đối với các ông Nguyễn Hoài Nam, Kiểm sát viên cao cấp, Vụ trưởng Vụ thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án kinh tế, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Trung tướng Trần Hải Quân, Tư lệnh Bộ tư lệnh cảnh vệ, Bộ Công an.

Quyết định bổ nhiệm giữ chức Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao đối với các ông Nguyễn Đức Thái, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Viện trưởng Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh và ông Trần Hải Quân, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Quyết định bổ nhiệm ông Cán Đình Tài, Trợ lý nguyên Chủ tịch nước và ông Nguyễn Hoàng Anh, Trợ lý nguyên Chủ tịch nước làm trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Lương Cường.

*** Ban Bí thư Trung ương Đảng:**

Chuẩn y ông Lê Hồng Vinh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Chuẩn y ông Phan Văn Bình, Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Nam tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Ủy ban Thường vụ Quốc hội:**

Nghị quyết số 1341/NQ-UBTVQH15 quyết nghị ông Phạm Đức Ân, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh chuyển sinh hoạt từ Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hà Nội đến Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ninh.

Nghị quyết số 1340/NQ-UBTVQH15 giao bà Nguyễn Minh Tâm, Phó Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh Quảng Bình phụ trách Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh Quảng Bình đến khi có nhân sự kiện toàn chức danh Trưởng Đoàn.

Nghị quyết số 1333/NQ-UBTVQH15 phê chuẩn kết quả bầu bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt, Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Buôn Hồ giữ chức vụ Phó Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách khóa XV tỉnh Đắk Lắk. Giao bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt phụ trách Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Lắk, nhiệm kỳ 2021 - 2026 cho đến khi kiện toàn Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội.

Nghị quyết số 1332/NQ-UBTVQH15 phê chuẩn bà Lê Thị Thanh Xuân thôi giữ chức vụ Phó Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách khóa XV phụ trách Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Lắk do chuyển công tác.

Nghị quyết số 1331/NQ-UBTVQH15 phê chuẩn kết quả bầu ông Võ Văn Cảnh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kể từ ngày 05/12/2024.

*** Thủ tướng Chính phủ:**

Quyết định số 39/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Tuyển, Vụ trưởng Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ giữ chức Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính.

Quyết định số 38/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm Trung tướng Nguyễn Quang Ngọc, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Quân ủy Trung ương, Tư lệnh Quân khu 3 giữ chức Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Quyết định số 36/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm ông Đỗ Hoàng Minh, Vụ trưởng thuộc Bộ Ngoại giao, biệt phái công tác tại Văn phòng Chính phủ, giúp việc Phó Thủ tướng Chính phủ giữ chức Trợ lý Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn.

Quyết định số 35/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm Trung tướng Thái Đại Ngọc, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Quân ủy Trung ương, Tư lệnh Quân khu 5 giữ chức vụ Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Quyết định số 33/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm ông Lê Hoàng Tùng, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Văn phòng Chính phủ giữ chức vụ Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình.

Quyết định số 26/QĐ-TTg về việc phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Thanh Nhân, Phó Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kể từ ngày 03/01/2025.

Quyết định số 25/QĐ-TTg về việc phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Phan Huy Ngọc, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh Hà Giang, kể từ ngày 03/01/2025.

Quyết định số 21/QĐ-TTg về việc phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lâm Minh Thành để nhận nhiệm vụ mới, kể từ ngày 03/01/2025.

Quyết định số 18/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm Thiếu tướng Đặng Hồng Đức, Ủy viên Đảng ủy Công an Trung ương, Chánh Văn phòng Bộ Công an giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Công an.

Quyết định số 1669/QĐ-TTg về việc điều động, bổ nhiệm ông Cao Huy, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ giữ chức Thứ trưởng Bộ Nội vụ.

Quyết định số 1666/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm lại đồng chí Đại tướng Nguyễn Tân Cương, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam giữ chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

Quyết định số 1658/QĐ-TTg về việc phê chuẩn kết quả bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Bùi Minh Thanh, Tỉnh ủy viên, Bí thư Thành ủy Bến Cát.

Quyết định số 1656/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm lại ông Mai Lương Khôi giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Tư pháp. Quyết định có hiệu lực từ ngày 28/02/2025.

Quyết định số 1655/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm lại ông Nguyễn Thanh Tịnh giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Tư pháp. Quyết định có hiệu lực từ ngày 06/02/2025.

Quyết định số 1501/QĐ-TTg về việc Thiệu tướng Đinh Mạnh Phác, Phó Tư lệnh Quân khu 2, Bộ Quốc phòng nghỉ hưu theo chế độ, kể từ ngày 01/01/2025.

Thành lập Ban Chỉ đạo về Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam:

Quyết định số 1718/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo về Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam.

Theo Quyết định, Trưởng ban Ban Chỉ đạo là Thủ tướng Chính phủ.

Các Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo gồm: Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình (Phó Trưởng ban Thường trực); Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh; Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bí thư Thành ủy TP. Đà Nẵng.

Các ủy viên gồm: Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Ủy viên thường trực); Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng; lãnh đạo các Bộ: Tài chính, Công Thương, Nội vụ, Quốc phòng, Công an, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; lãnh đạo các Cơ quan: Tòa án nhân dân tối cao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Văn phòng Chính phủ.

Thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm:

Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 07/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm.

Theo Quyết định, bà Tô Thị Bích Châu, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Ủy viên Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm thay ông Hoàng Công Thủy. Quyết định có hiệu lực từ ngày 07/01/2025.

*** Bộ Công an:**

Đại tá Bùi Quốc Khánh, Giám đốc Công an tỉnh Sóc Trăng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục nghiệp vụ, Bộ Công an, kể từ ngày 10/01/2025.

Đại tá Vũ Văn Đẩu, Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Quảng Trị.

Đại tá Nguyễn Hồng Phong, Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai được điều động giữ chức vụ Cục trưởng Cục nghiệp vụ, Bộ Công an.

Đại tá Nguyễn Đức Hải, Giám đốc Công an tỉnh Quảng Trị được điều động giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai.

Đại tá Nguyễn Thanh Tuấn, Giám đốc Công an tỉnh Thừa Thiên Huế được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an TP. Huế.

Đại tá Hoàng Văn Thành được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an TP. Huế.

Đại tá Nguyễn Đình Thừa được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an TP. Huế.

Đại tá Hồ Xuân Phương được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an TP. Huế.

Đại tá Bùi Văn Thảo, Giám đốc Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nghỉ công tác chờ hưởng chế độ hưu trí theo quy định, kể từ ngày 01/01/2025.

Đại tá Vũ Như Hà, Giám đốc Công an tỉnh Lạng Sơn được điều động giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, kể từ ngày 01/01/2025.

Đại tá Nguyễn Tiến Trung, Phó Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Bộ Công an được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Lạng Sơn.

Thượng tá Nguyễn Xuân Hoàng, Chánh Thanh tra Công an tỉnh Quảng Nam được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an tỉnh Quảng Nam.

*** Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh:**

PGS. TS. Nguyễn Bá Chiến, Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Học viện Hành chính và Quản trị công.

PGS. TS. Bùi Văn Huyền, Viện trưởng Viện Kinh tế được bổ nhiệm giữ chức vụ Viện trưởng Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường.

Tiến sĩ Đào Ngọc Báu, Viện trưởng Viện Quan hệ quốc tế được bổ nhiệm giữ chức vụ Viện trưởng Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế.

*** Tỉnh Bắc Giang:**

Bà Nguyễn Thị Hương, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bắc Giang được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Việt Oanh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Giang được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Tỉnh Hòa Bình:**

Ông Bùi Đức Hình, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Tỉnh Hà Giang:**

Đại tá Phan Huy Ngọc, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*** Tỉnh Nghệ An:**

Ông Lê Hồng Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*** Tỉnh Quảng Nam:**

Ông Hà Ra Diêu, Phó Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh được giao Quyền Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, kể từ ngày 01/01/2025 thay ông A Lăng Mai, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh nghỉ hưu trước tuổi theo nguyện vọng.

*** Tỉnh Bình Dương:**

Ông Nguyễn Lộc Hà, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Bà Nguyễn Kim Loan, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh được bầu giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Ông Hồ Phương Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Bến Cát, được bầu bổ sung giữ chức vụ Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Nguồn: baohinhphu.vn